



Số/No.: 197/2026/CV- SMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh /Hochiminh Stock Exchange

I. Tên tổ chức/Name of organization:

Công Ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại SMC/ *SMC Trading Investment Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/Stock code: SMC
- Địa chỉ/Address: 124-126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TPHCM
124-126 Ung Van Kiem Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại/Tel.: (08) 3899 2299 Fax: (08) 3898 0909
- Email: smc@smc.vn

II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC công bố Báo cáo thường niên năm 2025/ *SMC Trading Investment Joint Stock Company announces the 2025 Annual Report.*

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2026 tại đường dẫn: <https://smc.vn>

/This information was published on the company's website on 17/04/2026 (date), as in the link: <https://smc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC



NGUYỄN NGỌC Ý NHI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

📍 124 - 126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

☎ (84-28) 3899 2299 - (84-28) 3898 0909 🌐 www.smc.vn

www.smc.vn



CÁC TỪ VIẾT TẮT

SMC	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	PTGD	Phó Tổng Giám Đốc
CTCP	Công ty cổ phần	TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	VPĐD	Văn phòng đại diện
MTV	Một thành viên	BKS	Ban kiểm soát
LNST	Lợi nhuận sau thuế	BRVT	Bà Rịa Vũng Tàu
KCN	Khu công nghiệp	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	CP	Cổ phiếu
SXKD	Sản xuất kinh doanh	KTT	Kế toán trưởng
HĐQT	Hội đồng quản trị	CTTV	Công ty Thành viên
TGD	Tổng Giám Đốc	TH/KH	Thực hiện/Kế hoạch
CT.HĐQT	Chủ tịch hội đồng quản trị	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
QTKD	Quản trị kinh doanh	KQKD	Kết quả kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính	BCKT	Báo cáo kiểm toán
SGDCK	Sổ Giao dịch chứng khoán	VLXD	Vật liệu xây dựng
CBTT	Công bố thông tin	ĐDPL	Đại diện pháp luật
MISTS	Marubeni Itochu Sumisho Techno Steel INC	MISP	Marubeni Itochu Steel PTE. Ltd
MMTB	Máy móc thiết bị	CBQL	Cán bộ Quản lý
LĐTT	Lao động Trực tiếp	LĐGT	Lao động Gián tiếp
BKTNB	Ban kiểm toán nội bộ	NHNNVN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TẦM NHÌN – TRIẾT LÝ KINH DOANH – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	08
1. Giới thiệu	08
2. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	10
3. Hệ thống nhà máy và Công ty con – Công ty Liên Doanh Liên Kết	12
4. Lịch sử hình thành và phát triển	14
5. Sơ đồ tổ chức kinh doanh năm 2025	16
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	20
2. Hoạt động và Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	22
Đánh giá chung về tình hình vĩ mô và thị trường năm 2025	22
Đánh giá về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2025	23
Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2025	24
Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2026	25
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	30
1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	32
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	34
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	34
Đánh giá tình hình tài chính trọng yếu năm 2025	36
Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và mục tiêu phát triển năm 2026	42
BAN KIỂM SOÁT	46
1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	48
2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	50
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	56
1. Quản trị rủi ro	56
2. Tổ chức và nhân sự	58
3. Quan hệ cổ đông và Nhà đầu tư	66
4. Phát triển bền vững	70
5. Hoạt động cộng đồng	71
CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT	74
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2025	82



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu từng bước phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất định từ địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại. Trong nước, nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng tích cực, song các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với không ít thách thức trong giai đoạn chuyển đổi mới.

Đối với ngành thép, nhu cầu nội địa được hỗ trợ bởi đầu tư công và sự phục hồi của thị trường bất động sản đã trở thành động lực quan trọng. Tuy nhiên, áp lực từ thị trường xuất khẩu và các rào cản thương mại tiếp tục đặt ra yêu cầu phải thích ứng nhanh và quản trị hiệu quả hơn.

Trước bối cảnh đó, SMC đã lựa chọn hướng đi mang tính nền tảng: tái cấu trúc toàn diện và củng cố nội lực tài chính. Trong năm qua, Công ty đã tập trung xử lý các tồn tại kéo dài, đặc biệt là công tác thu hồi nợ, tái cơ cấu tài sản và điều chỉnh mô hình hoạt động tại các đơn vị thành viên. Đồng thời, việc nâng cao năng lực bán hàng, cải tiến vận hành và tăng cường quản trị rủi ro đã giúp từng bước ổn định hoạt động và cải thiện chất lượng tài chính.

Những kết quả bước đầu đạt được tuy chưa lớn nhưng có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự kiên định, kỷ luật và bản lĩnh thích ứng của toàn hệ thống. Việc kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tối ưu ngân sách và đặt quản trị rủi ro làm trọng tâm đã tạo nền tảng cần thiết cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Tiến bước sang năm 2026, SMC xác định rõ định hướng: **phục hồi mạnh mẽ – tăng trưởng có chọn lọc:**

- ▣ *Nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh chuyển đổi số và tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.*
- ▣ *Mở rộng các mảng kinh doanh hiệu quả cao, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị cung ứng toàn cầu.*
- ▣ *Điều hành thận trọng, linh hoạt, cân bằng giữa sản lượng và hiệu quả lợi nhuận.*
- ▣ *Quyết liệt tái cấu trúc, chuyển nhượng tài sản kém hiệu quả để tối ưu hóa nguồn lực, tinh gọn bộ máy.*
- ▣ *Triển khai phương án phát hành tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung nguồn lực và củng cố nền tảng tài chính.*

Bằng sự trân trọng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên SMC, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành. Chúng tôi tin tưởng rằng trong năm 2026, sự ủng hộ và gắn kết bền chặt của Quý vị sẽ tiếp tục là động lực to lớn để **SMC - vững vàng tiến bước**, hướng đến tương lai phát triển bền vững.

Trân trọng,
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM HOÀNG ANH

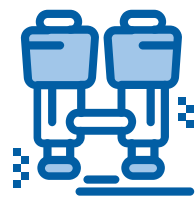


” THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **PHẠM HOÀNG ANH**
Chủ tịch Hội đồng quản trị



TẦM NHÌN TRIẾT LÝ KINH DOANH SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Nói đến Thép nghĩ đến SMC – Nói đến SMC nghĩ đến Thép
SMC - Doanh nghiệp Thép Uy Tín và Chuyên Nghiệp
SMC cam kết thực hiện tốt vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép; không ngừng hoàn thiện, đổi mới, và phát triển để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mang lại giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.



SỨ MỆNH

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của các đối tác, vì tương lai ổn định và phát triển bền vững cho ngành thép Việt Nam.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

Biết người biết ta
Tiên phong trong mọi hoạt động
Minh bạch, Uy tín, Chuyên nghiệp
Hài hòa lợi ích.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chuyên nghiệp
Hợp tác, Chia sẻ, Học hỏi
Uy tín, Minh bạch, Hiệu quả
Tối đa hóa lợi ích khách hàng
Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động
Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp.



THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Trading Investment Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC J.S.C
Trụ sở chính	: 124-126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM
Điện thoại	: (84 - 028) 3899 2299 Fax: (84 - 028) 3898 0909
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 736.785.870.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC – niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HSX)
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Số cổ phiếu niêm yết	: 73.678.587 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 73.606.837 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: 71.750 cổ phiếu

LĨNH VỰC KINH DOANH

- ☐ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox; xây dựng, lắp đặt các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở; kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm.
- ☐ Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa hàng xuất nhập khẩu;
- ☐ Cho thuê xe có động cơ.
- ☐ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- ☐ Bán buôn, chuyên doanh khác.



SẢN PHẨM & DỊCH VỤ CUNG CẤP

- ☐ Phân phối thép xây dựng các loại bao gồm thép cuộn kéo dầy, thép tròn trơn, thép gân; và các nguyên liệu sản xuất thép.
- ☐ Phân phối thép tấm lá các loại bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, mạ hợp kim, thép không gỉ.
- ☐ Phân phối thép hình (H, I, U), thép la, xà gỗ, thép cường độ cao, thép không theo quy chuẩn.
- ☐ Hệ thống Coil Center, có tổng công suất gia công 300.000 tấn/năm, với các nhà máy đặt tại TP. HCM và Hà Nội được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc theo công nghệ Châu Âu, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công định hình, xả băng, cắt chặt tấm các loại thép tấm lá mạ, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao.
- ☐ Hệ thống Cơ Khí Chính Xác, với nhà máy đặt tại KCN Phú Mỹ 2 được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc có khả năng cung cấp hơn 6.000.000 sản phẩm/năm, chuyên cung cấp dịch vụ gia công chính xác, đột dập định hình, cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho các nhà sản xuất điện gia dụng, điện tử, ô tô, xe máy.



THÉP TẤM CÁN NÓNG



HỆ THỐNG COIL CENTER



THÉP LÁ MẠ KẼM



ỐNG THÉP



THÉP HỘP



XÀ GỖ



KHO BÃI



THÉP MẠ KẼM



THÉP CUỘN CÁN NÓNG



THÉP GÂN



THÉP CÁN NGUỘI



THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG



THÉP CUỘN KÉO DẦY



LƯỚI THÉP HÀN



THÉP TRÒN TRƠN

CÔNG SUẤT GIA CÔNG

300.000 TẤN/
NĂM

KHẢ NĂNG CUNG CẤP

>6 TRIỆU
SẢN PHẨM/NĂM



CƠ KHÍ CHÍNH XÁC



TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

124-126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM
 Điện thoại: (84-028) 3899 2299 – Fax: (84-028) 3898 0909
 Website: www.smc.vn

04

CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT

**CÔNG TY TNHH SMC – SUMMIT
(LIÊN DOANH SMC – MISTS – MISP)**
 Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 83.286.000.000 VNĐ
 Tỷ lệ sở hữu: 50%

**CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICE HÀ NỘI
(LIÊN DOANH SMC – TẬP ĐOÀN HANWA)**
 Lô số 47, KCN Quang Minh, Phường Mê Linh, TP. Hà Nội
 Vốn điều lệ: 64.369.800.000 VNĐ
 Tỷ lệ sở hữu: 35%

**CÔNG TY TNHH SMC – TOAMI
(LIÊN DOANH SMC – TẬP ĐOÀN TOAMI – TẬP ĐOÀN HANWA)**
 Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 65.217.375.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 25%

**CÔNG TY TNHH VSSC STEEL CENTER
(LIÊN DOANH SMC – SAMSUNG C&T)**
 Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 225.750.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 15%

09

CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC

13/13 Đường Phùng Khắc Khoan, KP. Tân Hòa, P. Đông Hòa, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 230.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 180.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

Số 359 Đường 29 Tháng 3, Phường Hoà Xuân, TP. Đà Nẵng
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 220.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 375.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG SMC PHÚ MỸ

Đường số 9, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
 Vốn điều lệ: 176.201.485.313 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 75%



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1988
 Thành lập Cửa hàng VLXD số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ VLXD Miền Nam

**CỬA HÀNG
 VẬT LIỆU XÂY DỰNG**
 KINH DOANH CÁC LOẠI SẮT THÉP
 VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG
 492 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Bình Thạnh
 ĐT: 993323 - 996067

1998
 Ra mắt thương hiệu SMC, viết tắt cho “Steel Materials Company”



2006
 Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC



2013
 Thành lập Coil Center SMC Tân Tạo & Đón nhận huân chương lao động hạng 1



2021
 Thành lập Trung Tâm Gia Công Thép Chất lượng cao SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 2, bao gồm Liên Doanh VSSC giữa Samsung C&T và SMC, Gia Công Thép SMC Phú Mỹ, và Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ



1988 - 2004

2004
 Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành CTCP Đầu tư Thương mại SMC



2006 - 2011

2007
 Thành lập Coil Center SMC đầu tiên tại Phú Mỹ & Đón nhận huân chương lao động hạng 2



2011
 Thành lập Coil Center SMC Hà Nội



2013 - 2019

2019
 Thành lập liên doanh Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội giữa SMC và Tập Đoàn Hanwa



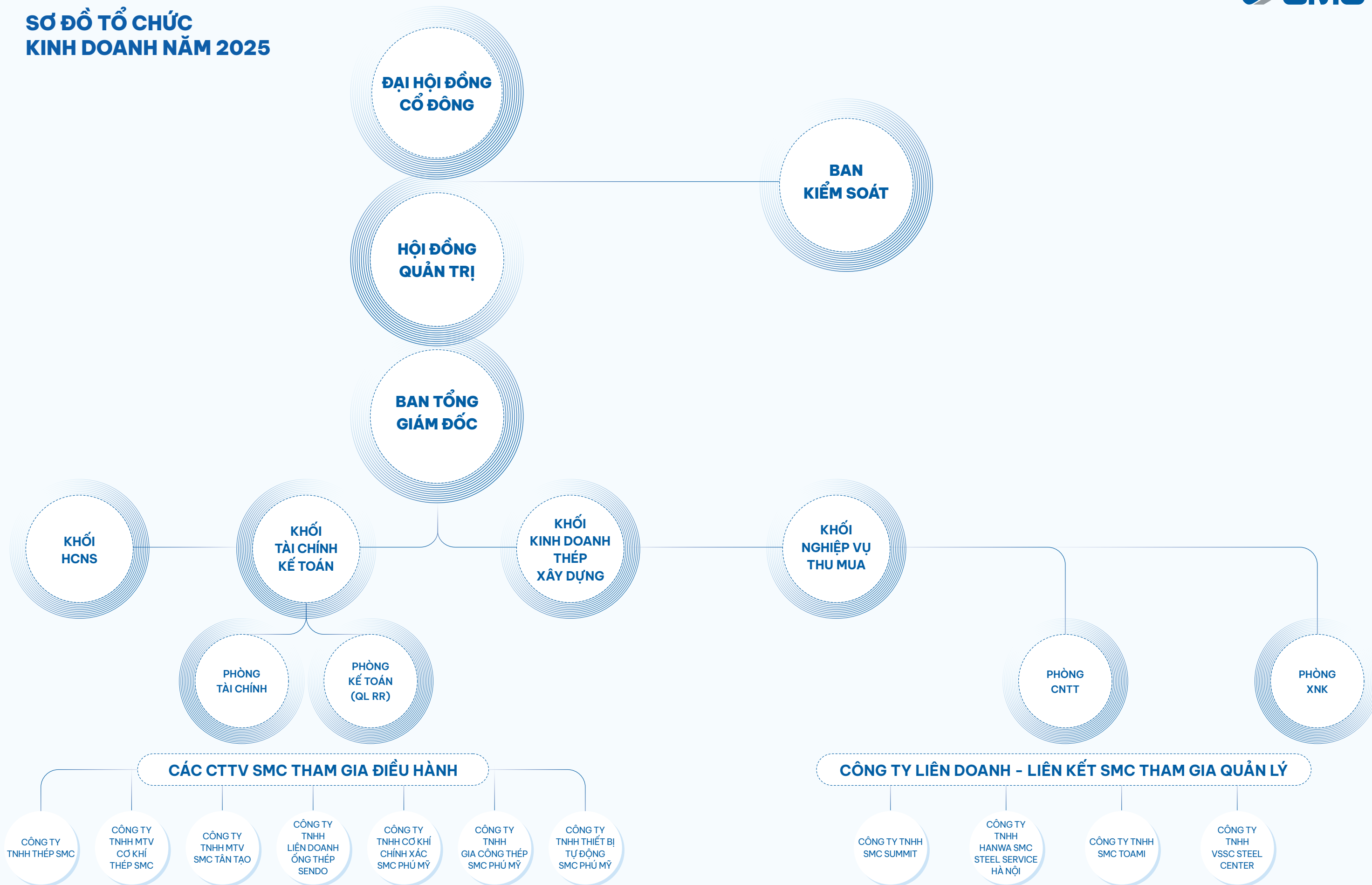
2021 - 2025

2025
 Tiếp tục tái cấu trúc toàn diện các khoản đầu tư, tài sản, và hoạt động SXKD của group SMC, xử lý các khoản nợ đọng của Novaland, từng bước đưa Công ty vượt qua các khó khăn thách thức hiện hữu





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KINH DOANH NĂM 2025





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Hoàng Anh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính – Ngân hàng



Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Phó Chủ tịch HĐQT /
Phó TGD Khối Tài Chính Kế Toán

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế Tài chính



Ông Kishimoto Hideki
Thành viên HĐQT /
Giám đốc Điều hành
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân



Ông Nguyễn Ngọc Anh Duy
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



Ông Hoàng Trung Dũng
Thành viên HĐQT Độc lập

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh



HOẠT ĐỘNG & BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về tình hình vĩ mô và thị trường năm 2025

Năm 2025, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp và khó lường, chịu tác động trực tiếp từ căng thẳng địa chính trị, các cuộc chiến thuế quan, bất ổn thương mại, và thiên tai, biến đổi khí hậu. Sau chu kỳ lạm phát cao và thắt chặt tiền tệ kéo dài, phần lớn các ngân hàng trung ương chuyển sang nới lỏng lãi suất; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, với rủi ro cao hơn và cạnh tranh chiến lược gay gắt hơn. Các chính sách thuế quan mới của Mỹ và sự đáp trả của các quốc gia khác đã làm gia tăng chi phí thương mại và sự bất định cho các doanh nghiệp đa quốc gia, tác động lên sự dịch chuyển dòng chảy thương mại, lạm phát, dòng vốn đầu tư, và tâm lý rủi ro toàn cầu. Thị trường tài chính tiền tệ biến động mạnh, hàng hóa vật chất như vàng và bạc tăng giá kỷ lục, gây áp lực lên triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Rủi ro về an ninh năng lượng và lương thực gia tăng do biến đổi khí hậu và xung đột khu vực.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng ấn tượng, ổn định vĩ mô được giữ vững, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Với mức tăng trưởng GDP hơn 8%, Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng tích cực nhất khu vực và thế giới, trong khi lạm phát vẫn được kiểm soát ở mức mục tiêu dưới 4,5%. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tiêu dùng nội địa và giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh, sản xuất công nghiệp hồi phục, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ không ngừng tăng cả về số lượng và chất lượng. Bất động sản cũng bắt đầu hồi phục, hỗ trợ cho ngành xây dựng và dịch vụ liên quan. Đồng VND tuy chịu áp lực từ USD mạnh lên nhưng với chính sách điều hành linh hoạt, tỷ giá VND đã tương đối ổn định trong những tháng cuối năm 2025.

Đối với ngành thép, tổng sản lượng thép thô toàn cầu đạt 1,8 tỷ tấn trong năm 2025, giảm 2% so với năm trước đó. Dù giá thép có xu hướng cải thiện vào cuối năm, mức giá bình quân cả năm của các sản phẩm thép vẫn giảm từ 5-12% trong năm 2025. Trong đó, áp lực lớn từ thị trường thép Trung Quốc là nhân tố chính cho việc suy giảm giá bán và tiêu thụ toàn cầu. Sản lượng thép của Trung Quốc trong năm 2025 giảm 4,4% so với năm 2024, nguyên nhân chính đến từ cuộc khủng hoảng kéo dài của thị trường bất động sản khiến nhu cầu thép nội địa suy yếu rõ rệt, kích hoạt xu hướng xuất khẩu thép Trung Quốc mạnh mẽ ra các nước khác trên thế giới.

Thị trường thép Việt Nam 2025 hồi phục dần và đạt kết quả tăng trưởng khá tích cực cho cả năm. Sản lượng thép thành phẩm sản xuất và tiêu thụ năm 2025 lần lượt đạt 32,3 triệu tấn và 31,6 triệu tấn, tăng tương ứng 10% về sản xuất và gần 9% về tiêu thụ so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượng thép xuất khẩu năm 2025 đạt hơn 10 triệu tấn, trị giá 6,6 tỷ USD, giảm 20% về lượng và giảm 27% về giá trị so với năm trước. Trong đó ASEAN là thị trường tiêu thụ thép lớn nhất chiếm tỷ trọng 34%, EU đứng thứ hai với 20,6%. Năm 2025, bức tranh ngành thép phân hóa mạnh khi nhóm thép xây dựng được hưởng lợi hơn nhờ nhu cầu nội địa từ đầu tư công và hạ tầng được tập trung đẩy mạnh, trong khi nhóm tôn mạ ống chịu nhiều áp lực bởi xuất khẩu suy yếu do rào cản thương mại và cạnh tranh gia tăng. Tiêu thụ thép xây dựng đạt gần 13 triệu tấn, tăng 12% so với năm 2024. Thép cán nóng HRC ghi nhận mức tăng trưởng cao 25% so với cùng kỳ, khi đạt hơn 8,4 triệu tấn. Tiêu thụ HRC tăng mạnh trong bối cảnh Hòa Phát chính thức vận hành dự án Dung Quất 2, đi kèm với lệnh áp thuế chống bán phá giá ban hành từ tháng 7/2025. Nhóm ống thép tăng trưởng nhẹ 3% với lượng tiêu thụ hơn 2,5 triệu tấn. Riêng sản lượng tiêu thụ nhóm tôn mạ đạt gần 5,3 triệu tấn trong năm 2025, giảm 7% so với cùng kỳ.

Đánh giá về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2025

Tổng Giám Đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo đầy đủ và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong các cuộc họp HĐQT, chủ động chia sẻ những khó khăn khách quan và chủ quan của Doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp cũng như xin ý kiến chỉ đạo và chủ trương của HĐQT. HĐQT đánh giá Ban TGD luôn có sự phối hợp chặt chẽ, bám sát hoạt động của Công ty cùng với những diễn biến của thị trường để triển khai nhiều giải pháp điều hành, giải pháp tái cấu trúc và khắc phục khó khăn.

- Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc ổn định hoạt động doanh nghiệp thông qua việc chủ động điều chỉnh quy mô kinh doanh, kiểm soát tồn kho, và quản lý chặt công nợ, dòng tiền.
- Ban TGD đã triển khai đồng thời nhiều giải pháp và tiếp tục quyết liệt thanh lý/chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn, tài sản cố định, máy móc thiết bị kém hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa chi phí tài chính, chi phí quản lý vận hành doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, và đảm bảo nguồn thu, dòng tiền giúp SMC khắc phục những khó khăn hiện hữu và từng bước vượt qua các thách thức này.
- Ban TGD đã có chú trọng công tác quản trị giúp Công ty tiết giảm chi phí hoạt động SXKD, chi phí vận hành doanh nghiệp, chủ động sắp xếp và tổ chức lại các hoạt động gia công sản xuất, từng bước đưa Công ty trở về quỹ đạo vận hành ổn định và hiệu quả hơn.
- Ban TGD đã tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cũng như nỗ lực phấn đấu cho các mục tiêu, nhiệm vụ đã được ĐHQĐ đề ra.

Bên cạnh các kết quả đạt được, HĐQT cũng nhận thấy một số tồn tại và khó khăn thử thách tồn đọng trong thời gian qua. Trong năm 2025, mặc dù ngành thép nội địa nhìn chung có nhiều yếu tố thuận lợi và tích cực hơn, riêng SMC tiếp tục gặp khó khăn trong các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Hoạt động kinh doanh chính vẫn phụ thuộc nhiều vào biến động của thị trường thép và thị trường tài chính (lãi suất và tỷ giá). Thị phần chưa được mở rộng trở lại, lợi thế cạnh tranh giảm, và biên lợi nhuận còn rất thấp, chưa đủ đem lại hiệu quả cho Doanh nghiệp do những hạn chế về vốn hoạt động kinh doanh và dòng tiền còn tắc nghẽn ở các khoản nợ quá hạn lớn.

Lũy kế cả năm 2025, SMC đạt tổng sản lượng kinh doanh hơn 460.000 tấn thép các loại, hoàn thành 74,2% kế hoạch sản lượng năm. Doanh thu hợp nhất ghi nhận 7.010 tỷ đồng, giảm 21,5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 197,6 tỷ đồng so với mức lãi 12,1 tỷ đồng của năm 2024. Sự sụt giảm và không hoàn thành về mặt sản lượng và doanh thu của SMC là kết quả tất yếu từ việc Công ty quyết liệt điều chỉnh quy mô hoạt động, đặc biệt thu hẹp các mảng sản xuất kinh doanh kém hiệu quả. Đồng thời, ghi nhận hoàn nhập dự phòng phải thu trong kỳ và lãi từ chuyển nhượng tài sản đã đóng góp chính cho LNST của Công ty.

Hiện tại quy mô và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC đã thu hẹp trong khi những thách thức và khó khăn của ngành thép nói chung và của SMC nói riêng vẫn còn đó, đòi hỏi HĐQT và Ban điều hành Công ty cần quyết liệt hơn trong việc tái cấu trúc và triển khai các phương án khắc phục tình trạng thua lỗ, cải thiện hiệu quả SXKD, bổ sung vốn và dòng tiền, để đảm bảo cho sự phục hồi và phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới.



Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

Trong năm 2025, SMC không thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Vốn điều lệ và số lượng chứng khoán niêm yết của Công ty là không thay đổi so với năm trước.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	620.000	460.042	74,2%
• Thép dài	Tấn	180.000	199.693	110,9%
• Thép tấm lá mạ ống	Tấn	440.000	260.349	59,2%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	9.500	7.010	73,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,0	197,6	658,7%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	% mệnh giá	0%	0%	0%
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TPHCM (AISC) thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025			

Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động về nhân sự trong HĐQT SMC. Các biến động về nhân sự nhằm phù hợp với yêu cầu quản trị và định hướng phát triển, hướng đến giải quyết những khó khăn, thách thức hiện hữu vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty. Việc thay đổi về nhân sự HĐQT, cũng đồng thời nhằm bổ sung năng lực chuyên môn về tài chính, tăng cường năng lực quản trị và giám sát, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT.

Tính đến thời điểm hiện tại, HĐQT SMC bao gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên HĐQT độc lập, và không thành lập các tiểu ban trực thuộc. HĐQT phối hợp cùng BKS và Ban Điều Hành tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để xem xét, thảo luận, và quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến định hướng phát triển, chiến lược kinh doanh, và hoạt động của Công ty. Các hoạt động của HĐQT được triển khai theo nguyên tắc: minh bạch, thận trọng, và hướng tới lợi ích lâu dài của cổ đông.

HĐQT nắm bắt tình hình thị trường, vĩ mô, và tình hình Doanh nghiệp để đánh giá tác động và kết quả hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT, việc chấp hành và tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của các cơ quan quản lý chức năng và điều lệ Doanh nghiệp; từ đó xây dựng mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp, và chính sách điều hành quản lý Doanh nghiệp linh hoạt theo những chuyển biến của thị trường.

HĐQT phối hợp cùng Ban TGD đưa ra các giải pháp về việc thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thanh lý chuyển nhượng tài sản, các khoản đầu tư không hiệu quả, đầu tư tài chính, xử lý các khoản công nợ tồn đọng, để từng bước giúp Công ty khắc phục những vấn đề về sức khỏe tài chính; tích cực làm việc với các đối tác là tổ chức tài chính, nhà cung cấp, và khách hàng để quyết liệt có các giải pháp xử lý các vấn đề khó khăn mà Doanh nghiệp đang đối mặt.

Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Phạm Hoàng Anh	Chủ tịch điều hành	25.09.2025		1.000.000	1,36	Không có
2	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó CT điều hành	26.04.2021		2.389.764	3,24	Phó TGD Khối Tài chính Kế toán SMC
3	Kishimoto Hideki	Thành viên không điều hành	26.04.2021		14.416.476	19,57	GD điều hành Cty TNHH Hanwa VN (đại diện phần CP của Tập đoàn Hanwa)
4	Nguyễn Ngọc Anh Duy	Thành viên không điều hành	25.09.2025		72.834	0,10	Giám Đốc ĐVTV Thương mại SMC
5	Hoàng Trung Dũng	TV độc lập	25.09.2025		0	0,0	PCT HĐQT CTCP Cầu đường bộ Hải Dương/ Trưởng nhóm TVĐT PGD Thành Công BVSC
6	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26.04.2021	25.09.2025	0	0,0	Không có
7	Fujisuka Masahiko	Thành viên	22.05.2025	31.12.2025	0	0,0	Ban Điều Hành Hanwa Co., Ltd.
8	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	26.04.2021	31.12.2025	100.000	0,1	Không có
9	Vũ Anh Nguyễn	TV độc lập	26.04.2021	31.12.2025	0	0,0	TGD Cty Nội Thất & Trang trí Baya
10	Hứa Vũ	TV độc lập	22.05.2025	25.09.2025	0	0,0	GD Đại diện VN Cty TNHH Arowana Asia Pacific Pty Ltd.

Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2026

- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các giải pháp tái cấu trúc doanh nghiệp mạnh mẽ và quyết liệt. Trong đó, chú trọng đẩy mạnh chuyển đổi số, và cơ cấu, sắp xếp lại tập trung vào các hoạt động thương mại thép và gia công thép; tập trung cải thiện cấu trúc nợ và vốn của Công ty, bổ sung nguồn vốn và nguồn lực nhân sự cải thiện hiệu quả vận hành của Doanh nghiệp.
- Chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều Hành và Ban quản lý Nợ đọng quyết liệt xử lý dứt điểm các khoản nợ quá hạn.
- Đề cao và phát huy tính minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty, phát huy tính trách nhiệm và đóng góp của các thành viên HĐQT và Ban TGD. Đặc biệt nâng cao tính minh bạch trong công tác quản trị vận hành doanh nghiệp và trách nhiệm quản lý rủi ro trong công tác bán hàng và thu hồi công nợ.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2026 do ĐHĐCĐ thông qua, bám sát và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chủ trương, định hướng, nghị quyết của HĐQT.
- Nâng cao chất lượng quản trị, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí và phát huy văn hóa doanh nghiệp.



Các Nghị quyết HĐQT trọng yếu trong năm 2025

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
26.02.2025	60	HĐQT Công ty thống nhất thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng
31.03.2025	97	HĐQT đã thảo luận và thống nhất thông qua việc gia hạn ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025
16.04.2025	107	HĐQT đã thảo luận và thống nhất thông qua việc thay đổi ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025
06.05.2025	128	HĐQT thống nhất thông qua các nội dung làm việc và báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2025
12.05.2025	135	HĐQT thông qua việc giới thiệu ứng viên bầu bổ sung hai thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2021-2025 tại ĐHĐCĐ năm 2025, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Ông Fujisuka Masahiko Ông Hứa Vũ
14.05.2025	146	HĐQT thông qua các nội dung cập nhật, bổ sung tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
22.05.2025	151	Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC và thông qua các Nghị quyết, các nội dung trình Đại hội. ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC đồng ý ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai cụ thể các vấn đề, các chủ trương đã được thông qua tại Đại hội
28.05.2025	171	HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Võ Đình Tuyên giữ chức vụ Giám Đốc và người đại diện pháp luật Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC kể từ ngày 01/06/2025
28.05.2025	172	HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Đặng Huy Hiệp – Tổng Giám đốc kiêm nhiệm giữ chức vụ Giám Đốc và người đại diện pháp luật Công ty Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ kể từ ngày 01/06/2025
28.05.2025	173	HĐQT thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng
25.06.2025	219	HĐQT thông qua việc thay đổi địa chỉ Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước
11.07.2025	231	HĐQT thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động SMC Phú Mỹ – bổ sung mã ngành 6810 – kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
11.07.2025	238	HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Võ Đình Tuyên – Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC kiêm Tổng giám đốc và Người đại diện phần vốn góp của SMC tại Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo kể từ ngày 01/08/2025
21.08.2025	283/284	HĐQT thống nhất thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của SMC vào ngày 25/09/2025 tại Tp.HCM Nội dung trình đại hội: Bầu bổ sung hai thành viên HĐQT và hai thành viên Ban Kiểm Soát cho nhiệm kỳ 2021-2025 Thông qua việc giới thiệu danh sách ứng cử viên tham gia bầu bổ sung vào HĐQT và Ban Kiểm Soát gồm: <ul style="list-style-type: none"> Ông Phạm Hoàng Anh – ứng viên HĐQT Ông Hoàng Trung Dũng – ứng viên HĐQT Ông Nguyễn Ngọc Anh Duy – ứng viên HĐQT Ông Nguyễn Quang Trung – ứng viên Ban Kiểm Soát Bà Thái Thị Vân Anh – ứng viên Ban Kiểm Soát
11.09.2025	312	HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư Thương mại SMC của bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu kể từ ngày 30.09.2025

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
11.09.2025	313	HĐQT thông qua Nghị quyết – Bổ sung về việc thông qua chủ trương ký các hợp đồng nguyên tắc, mua bán, dịch vụ giữa các bên liên quan trong năm 2025 đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – CT HĐQT và bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu – Phó TGĐ Công ty
25.09.2025	344	Đại hội đồng Cổ đông Bất thường năm 2025 của SMC thống nhất thông qua Nghị Quyết của đại hội, với các nội dung chính như sau: <ul style="list-style-type: none"> Thông qua đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT SMC nhiệm kỳ 2021-2025 Miễn nhiệm Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Loan Miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông Hứa Vũ Thông qua kết quả trúng cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông Phạm Hoàng Anh, ông Hoàng Trung Dũng, và ông Nguyễn Ngọc Anh Duy Thông qua kết quả trúng cử Thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông Nguyễn Quang Trung và bà Thái Thị Vân Anh
25.09.2025	345	Đại hội Đồng cổ đông bất thường SMC năm 2025 và HĐQT thông qua kết quả bầu cử Chủ tịch HĐQT / Người đại diện pháp luật Công ty nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông Phạm Hoàng Anh, kể từ ngày 25.09.2025
10.10.2025	384	HĐQT thông qua việc bổ nhiệm ông Võ Đình Tuyên kiêm nhiệm vị trí Giám đốc và Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Thiết Bị – Tự Động SMC Phú Mỹ kể từ ngày 09.10.2025
10.10.2025	385	HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Kinh Luân kiêm nhiệm vị trí Giám đốc và Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV Thương mại SMC kể từ ngày 09.10.2025
22.10.2025	428/430/432	HĐQT thông qua việc xin giải chấp tài sản tại CTCP Đầu tư Thương mại SMC, Công ty TNHH Thép SMC, và Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC đang thế chấp tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Tp. HCM
05.11.2025	450	HĐQT thông qua chủ trương về việc kiện toàn và sắp xếp lại cơ cấu quản trị nhằm phù hợp với quy mô doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả điều hành, tăng tính linh hoạt, và đáp ứng định hướng phát triển mới của SMC, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> Tinh gọn nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025, giảm số thành viên HĐQT từ 07 xuống còn 05 thành viên Cập nhật, thay đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty tại Mục 2, Điều 4 – Người đại diện pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc Công ty
17.11.2025	467	HĐQT thống nhất thông qua các nội dung trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản: <ul style="list-style-type: none"> Miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với ông Fujisuka Masahiko, ông Vũ Anh Nguyên và ông Nguyễn Hữu Kinh Luân Miễn nhiệm Thành viên BKS đối với ông Nguyễn Quang Trung Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty với Người đại diện pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty Thời gian thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, các thủ tục liên quan và những ảnh hưởng phát sinh từ việc sửa đổi Điều lệ sẽ được triển khai và áp dụng từ Quý 1/2026
17.11.2025	468	HĐQT thống nhất thành lập Ban kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về các vấn đề trên, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Ông Phạm Hoàng Anh – Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi – Phó Chủ tịch HĐQT – Phó ban Ông Nguyễn Ngọc Anh Duy – Thành viên HĐQT – Thành viên Bà Võ Thị Tố Ngân – Trưởng Ban kiểm soát – Thành viên Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết – Giám Sát – Thành Viên



Các Nghị quyết HĐQT trọng yếu trong năm 2025 (tiếp theo)

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
24.11.2025	485	HĐQT thông qua việc chuyển nhượng và giá chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC tại KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, TP. HCM
24.11.2025	487/488	HĐQT thông qua việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC tại KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Tp.HCM kể từ ngày 01.12.2025 Thông qua việc thay đổi địa chỉ Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC, và cập nhật địa chỉ mới trên giấy ĐKKD, Điều lệ của Công ty
24.11.2025	490	HĐQT thông qua việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Mở rộng nhà máy sản xuất, Gia công các sản phẩm sau thép của Công ty TNHH Thép SMC tại KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Tp. HCM kể từ ngày 01.12.2025
08.12.2025	502/503 504/505	HĐQT thống nhất bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC đối với ông Nguyễn Quốc Thắng kể từ ngày 01.01.2026 HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Thắng kiêm nhiệm là Giám đốc và Người đại diện pháp luật đối với Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước từ ngày 01.01.2026 HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Thắng kiêm nhiệm là Giám đốc và Người đại diện pháp luật đối với Công ty TNHH Thép SMC từ ngày 01.01.2026 HĐQT thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Bắc là Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật đối với Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ từ ngày 01.01.2026
17.12.2025	529	HĐQT thống nhất thành lập Ban Quản lý Nợ đọng, thông qua nội dung quy chế làm việc, cơ cấu nhân sự, nhiệm vụ của Ban Quản lý Nợ đọng theo quy chế đã trình HĐQT, thống nhất và đồng ý ủy quyền toàn bộ cho Chủ tịch HĐQT tổ chức thực hiện nội dung Quy chế này
17.12.2025	530	HĐQT thông qua việc cấp vốn bổ sung cho Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo, tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng
31.12.2025	536	Nghị quyết ĐHCĐ – Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thông qua các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> Miễn nhiệm các Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông Fujisuka Masa-hiko, ông Vũ Anh Nguyên, và ông Nguyễn Hữu Kinh Luân Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021-2025 đối với ông Nguyễn Quang Trung Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của SMC với Người đại diện pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty. Các nội dung khác không thay đổi.

Định hướng và tầm nhìn chiến lược của HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2026-2031

- Trong giai đoạn mới, SMC định hướng sẽ từng nước chuyển dịch mô hình thương mại thép truyền thống sang mô hình **“Thương mại + Gia Công + Gia tăng Giá trị” / “Trading + Processing + Value-added Services”**, trong đó tập trung nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động kinh doanh, củng cố vị thế và phát triển thế mạnh song song của hoạt động thương mại thép và hoạt động dịch vụ gia công thép. Phát triển các sản phẩm thép chế biến chuyên sâu và đặc thù, nhằm cung cấp các dịch vụ và sản phẩm giá trị gia tăng cho khách hàng.
- Tái cấu trúc nguồn vốn và đòn bẩy tài chính, từng bước củng cố năng lực tài chính hệ thống vững mạnh và phát triển chuỗi giá trị thép SMC theo hướng bền vững và hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời, đảm bảo nguồn lợi nhuận chi trả cổ tức ổn định hàng năm cho cổ đông như trước đây.
- Đẩy mạnh hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại và năng động thông qua việc đẩy mạnh chuyển đổi số và áp dụng các công nghệ quản trị hiện đại, bao gồm hệ thống quản trị dữ liệu, các công cụ báo cáo/phân tích quản trị rủi ro, hoàn thiện các nền tảng quản lý vận hành, và hoàn thiện quy trình kiểm soát nội bộ.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, nâng cao năng lực quản trị và chuyên môn, phát triển văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu tác động đến môi trường, và thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

HĐQT tin tưởng rằng với định hướng chiến lược rõ ràng và sự nỗ lực của Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên, SMC sẽ nhanh chóng ổn định, hồi phục, và tiếp tục phát triển bền vững, tạo ra giá trị lâu dài cho toàn thể cổ đông và đối tác.





BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Quang Trung

Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Khoa học Kỹ thuật
Công nghiệp và Quản lý



Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi

Phó TGD Khối Tài chính Kế toán

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế Tài chính



Ông Nguyễn Quốc Thắng

Phó TGD Thường trực

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025 là một giai đoạn đầy biến động với nhiều yếu tố kinh tế và chính trị đan xen, tạo ra những thách thức và thay đổi lớn trong trật tự toàn cầu. Mỹ với chính sách bảo hộ và thuế quan đã tạo ra tác động lan tỏa mạnh mẽ, làm thay đổi dòng chảy thương mại quốc tế, khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị phân mảnh, nhiều doanh nghiệp dịch chuyển sản xuất sang các nước thứ ba. Nhiều nền kinh tế lớn rơi vào trạng thái tăng trưởng yếu như Mỹ, Trung Quốc, và châu Âu trong khi lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu. Xung đột khu vực và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trên thế giới gia tăng, đặc biệt là mối quan hệ giữa Mỹ - Trung, Nga - phương Tây, làm suy yếu hợp tác đa phương, kích hoạt việc nhiều quốc gia tìm cách xây dựng liên minh kinh tế - chính trị mới. Cục dự trữ liên bang FED chuyển dần từ thắt chặt sang nới lỏng chính sách tiền tệ một cách cẩn trọng, với các đợt cắt giảm lãi suất vào cuối năm 2025 nhằm hỗ trợ cho tăng trưởng, nhưng vẫn phải cân bằng với áp lực kiểm soát lạm phát. Kinh tế thế giới nhìn chung có tăng trưởng nhưng với đầu tư tư nhân suy yếu, năng suất lao động trì trệ, dân số già hóa, và rủi ro chiến tranh, xung đột địa chính trị, đẩy chi phí sản xuất lên cao, và làm chậm tăng trưởng toàn cầu.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ảm đạm, Đông Nam Á trở thành một trong những điểm sáng tăng trưởng nổi bật của năm 2025. Khu vực này duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn mức trung bình toàn cầu nhờ tiêu dùng nội địa phục hồi, dân số trẻ, và dòng vốn đầu tư dịch chuyển khỏi Trung Quốc. Đáng chú ý, Việt Nam nổi lên như một trong những trung tâm sản xuất và tiêu dùng mới. Vượt qua những dự báo thận trọng và những biến động của kinh tế toàn cầu, Việt Nam hoàn thành năm 2025 với tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng trên 8%. Trong đó, động lực chính của sự tăng trưởng đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả cao. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 ước đạt 920 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm trước. Việc duy trì xuất siêu 21,18 tỷ USD đặc biệt quan trọng giúp Việt Nam ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối, và củng cố niềm tin với nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam tiếp tục là điểm đến hàng đầu của dòng vốn đầu tư FDI chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo AI, và năng lượng xanh.

Việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công vào các dự án hạ tầng trọng điểm như Cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2, sân bay quốc tế Long Thành và các tuyến vành đai đô thị đã thúc đẩy nhu cầu thép xây dựng tăng trưởng mạnh mẽ. Số lượng dự án khởi công mới tăng trở lại, nhu cầu tiêu thụ thép cho thị trường dân dụng cũng tích cực hơn, trực tiếp kéo theo nhu cầu tiêu thụ thép dài và thép dẹt. Bên cạnh đó, các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, và một số biện pháp phòng vệ thương mại tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp thép trong nước giữ vững thị phần, tối ưu hóa công suất vận hành. Năm 2025, ngành thép Việt Nam đạt nhiều kết quả tích cực trong các vụ việc chống bán phá giá và rà soát thương mại đối với các sản phẩm thép tại các thị trường xuất khẩu như EU, Canada, Úc, Ấn Độ... Tuy nhiên, xuất khẩu thép cũng gặp nhiều khó khăn, ghi nhận giảm cả về lượng và giá trị trong năm 2025 so với năm trước đó, do các biện pháp chống bán phá giá, chính sách thuế quan cao hơn, và quy định kiểm tra nghiêm ngặt hơn ở các thị trường mục tiêu, hạn chế khả năng cạnh tranh của thép Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Giá thép xây dựng cuối năm 2025 có xu hướng cải thiện, được thúc đẩy bởi động thái điều chỉnh giá nhất quán của các nhà sản xuất, dù doanh số bán hàng vẫn khá trầm lắng. Thị trường còn được hỗ trợ bởi việc chủ động cắt giảm công suất thừa, duy trì tồn kho thấp trong nửa cuối năm 2025. Tuy nhiên, đà tăng giá không đi kèm với sự gia tăng mạnh của tiêu thụ. Giá thép cuộn cán nóng HRC tại Việt Nam tính đến cuối năm 2025 vẫn duy trì ở mức thấp quanh 475 USD/tấn, giảm khoảng 6% so với giá đầu năm, mặc dù áp lực cạnh tranh từ thép cuộn cán nóng Trung Quốc nhập khẩu đã được giảm thiểu đáng kể, các nhà sản xuất HRC lớn trong nước vẫn chưa thể tăng giá bán trong giai đoạn này do chênh lệch cung - cầu vẫn còn lớn và nhu cầu tiêu thụ duy trì ở mức thấp. Tương tự, giá tôn mạ và ống thép

cũng chưa ghi nhận sự phục hồi rõ rệt. Trong đó, triển vọng tăng giá của tôn mạ được đánh giá là khó khăn hơn, chịu sức ép lớn từ kế hoạch mở rộng công suất của một số nhà máy trong năm tới.

Nhìn chung cả năm 2025, SMC tiếp tục gặp các khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Trước tình hình đó, Công ty đã bám sát các giải pháp tái cấu trúc tài sản, thu hẹp các mảng hoạt động sản xuất không hiệu quả; thực hiện cắt giảm tối đa các chi phí về tài chính, chi phí quản lý vận hành, cắt giảm lương và tinh gọn bộ máy nhân sự, để phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại. Cụ thể, SMC đã tiến hành thanh lý/chuyển nhượng các tài sản bao gồm:

- Chuyển nhượng nhà máy và MMTB tại Liên Doanh Ống thép Sendo với tổng giá trị là 245 tỷ đồng
- Chuyển nhượng MMTB tại Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị là 156 tỷ đồng
- Chuyển nhượng nhà máy và MMTB tại SMC Cơ Khí với tổng giá trị là 258 tỷ đồng

Bên cạnh đó, SMC cũng không ngừng nỗ lực và quyết liệt đàm phán với các đối tác để đôn đốc việc trả nợ, thu hồi các khoản công nợ chậm luân chuyển, đồng thời đảm bảo duy trì nguồn cung cấp nguyên vật liệu với sản lượng ổn định phù hợp cho hoạt động SXKD trong tình hình hiện tại. Nhờ vào sự quyết liệt và quyết tâm trong quá trình tái cấu trúc, về cơ bản hoạt động kinh doanh cốt lõi dần được cải thiện. SMC ghi nhận lợi nhuận gộp dương trong quý 4/2025 so với mức lợi nhuận gộp âm của 9 tháng đầu năm 2025 và so với cùng kỳ năm 2024, góp phần tích cực giúp lợi nhuận gộp hợp nhất cả năm có lãi.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2025	2024	Tăng/giảm %	KH 2025	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	460.042	597.400	-23,0%	620.000	77,0%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.010	8.930	-21,5%	9.500	73,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	197,6	12,1	16,3 lần	30,0	6,6 lần

Kết thúc năm 2025, sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt hơn 460.000 tấn thép các loại, giảm 23% so với cùng kỳ và chỉ bằng 77% mục tiêu kế hoạch sản lượng đặt ra. Doanh thu thuần đạt 7.010 tỷ đồng, tương ứng chỉ bằng 74% kế hoạch năm, và giảm mạnh 21,5% so với năm 2024. Tuy nhiên, LNST ghi nhận 197 tỷ đồng, gấp 6,6 lần kế hoạch và cao hơn 16 lần kết quả năm trước; trong đó việc hoàn nhập chi phí dự phòng các khoản phải thu chậm luân chuyển và lợi nhuận từ việc chuyển nhượng các tài sản cố định đóng góp quan trọng cho kết quả năm 2025.





Tình hình tài chính trọng yếu năm 2025

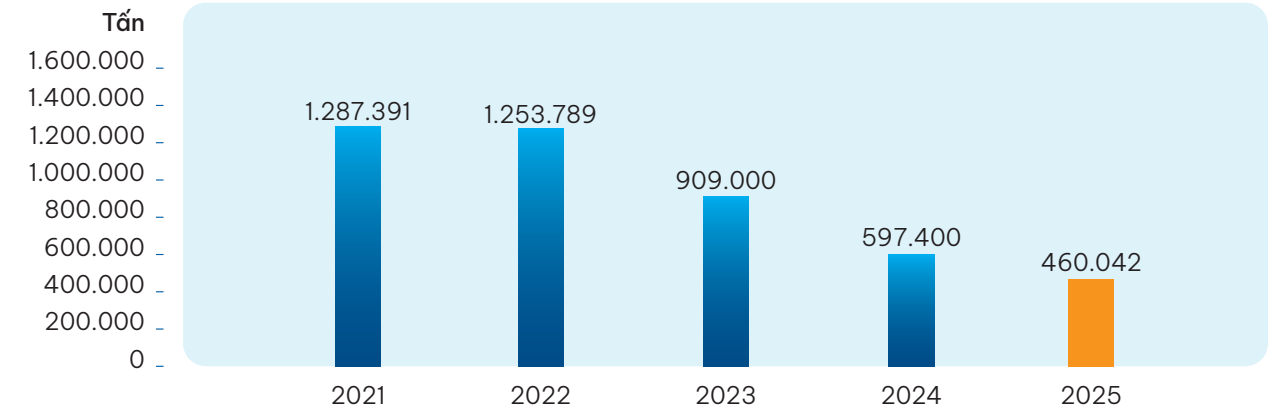
Tổng sản lượng tiêu thụ thép dài năm 2025 là 199.693 tấn thép các loại, tăng 23,5% so với năm trước và chiếm 43,4% tổng sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống. Việc gia tăng trở lại sản lượng thép xây dựng của Công ty tương đồng với tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong nước. Trong đó phân khúc tiêu thụ chính của SMC vẫn chủ yếu tập trung ở mảng bán sỉ và lẻ và tiêu thụ dân dụng; việc cung cấp lại thép xây dựng cho các công trình dự án lớn và các công trình giao thông hạ tầng vẫn chưa được mở rộng và đẩy mạnh do các khó khăn còn tồn đọng về tài chính và dòng tiền, từ đó cũng hạn chế khả năng sinh lời và hiệu quả của mảng kinh doanh thương mại thép xây dựng.

Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thuộc nhóm thép dẹt gồm HRC, CRC, mạ và ống thép trong năm 2025 là hơn 260.349 tấn thép, tiếp tục giảm mạnh 36% so với năm 2024 và chiếm 56,6% tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại của SMC. Việc cắt giảm chủ động nhóm sản xuất gồm thép lá mạ và ống thép với tổng sản lượng sản xuất lên đến hơn 200.000 tấn/năm là nguyên nhân chủ yếu cho sự sụt giảm mạnh này. Thị trường tôn mạ và ống thép gặp nhiều khó khăn với mức tăng trưởng thấp hoặc tăng trưởng âm trong năm 2025 so với các nhóm sản phẩm khác bởi sự khó khăn của thị trường xuất khẩu, sự cạnh tranh gay gắt tại thị trường nội địa, và bởi các khó khăn nội tại của SMC dẫn đến hoạt động và hiệu quả kém của các mảng này đem lại cho cả Group.

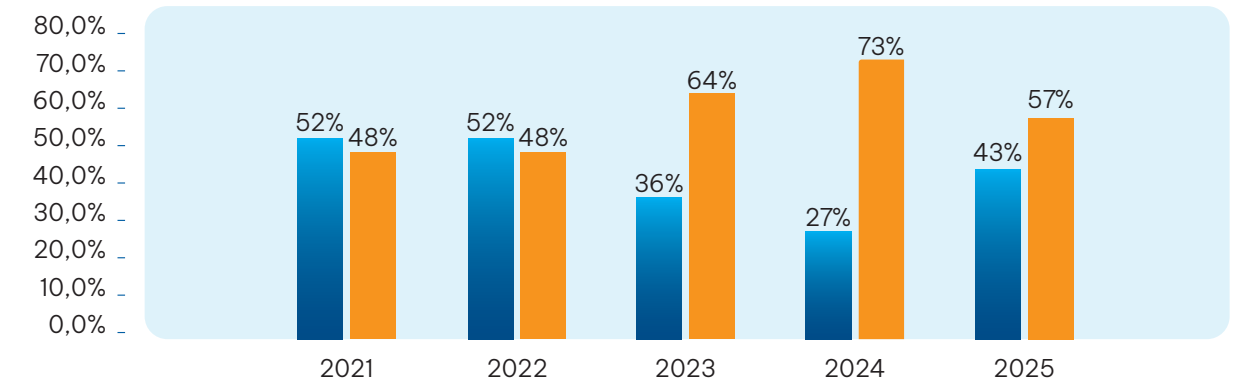
Hoạt động Coil Center gồm gia công xả băng, cắt chặt thép tấm lá và chấn dập tại cơ khí chính xác ghi nhận một năm 2025 hoạt động ổn định và có hiệu quả. Đặc biệt hoạt động chấn dập tại SMC Cơ Khí Chính Xác ghi nhận gần 6,5 triệu sản phẩm trong năm 2025, tăng 8,3% so với năm 2024 và từng bước thu hẹp khoảng cách giữa doanh thu và các chi phí, dần đem lại hiệu quả cho hoạt động chung của Doanh nghiệp. Tỷ trọng của mảng Coil Center hiện duy trì và đóng góp ở mức 25% cho tổng sản lượng và doanh thu cả group. Tuy nhiên, với định hướng tái cấu trúc cắt giảm mảng sản xuất kém hiệu quả, và chỉ tập trung vào 2 nhóm hoạt động chính là Thương mại và Coil Center, từ năm 2026 trở đi, hoạt động Coil Center sẽ từng bước được gia tăng tỷ trọng và ghi nhận sự đóng góp tích cực hơn cho cả hệ thống.

Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2025 là 27.140 tấn thép các loại, tăng gần 12% so với năm trước và chiếm 5,9% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Úc và Campuchia tiếp tục duy trì là thị trường xuất khẩu chủ lực của SMC, cùng với việc gia tăng về sản lượng xuất khẩu tại chỗ cho Samsung đóng góp trọng yếu cho tăng trưởng về tổng sản lượng xuất khẩu của SMC trong năm 2025.

Tổng Sản lượng thép tiêu thụ 2021 – 2025



Cơ cấu Sản lượng tiêu thụ thép các loại 2021 – 2025



■ Thép Dài ■ Thép Dẹt (*) Thép dài = Thép xây dựng + Thép hình + Thép khác
(*) Thép dẹt = Thép cán nóng + Thép lá mạ + Thép ống

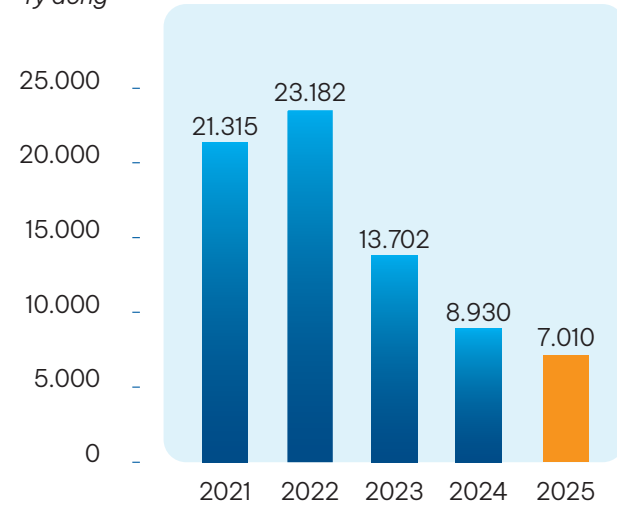
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu bán hàng năm 2025 đạt 7.010,3 tỷ đồng, giảm gần 21,5% so với cùng kỳ. Trong đó ghi nhận việc giảm sút khoảng 23% ở tổng sản lượng tiêu thụ trong khi giá bán bình quân nhỉnh hơn một chút so với năm trước, do việc dịch chuyển cơ cấu các nhóm ngành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao làm cho lợi nhuận gộp của SMC năm 2025 chỉ đạt 1,4 tỷ đồng. Tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cả năm 2025 vẫn ở mức rất thấp là 0,02%. Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn hạn chế về vốn và dòng tiền, việc thay đổi trong chính sách và chiến lược kinh doanh, tập trung vào chất và hiệu quả nhiều hơn lượng, song song với việc kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí kinh doanh trọng yếu, đã dẫn đến những thay đổi tích cực. Quý 4/2025 ghi nhận tỷ lệ lợi nhuận gộp là 0,55% so với mức -0,14% và -2,41% lần lượt trong Quý 2 và Quý 3 cùng năm. Đặc biệt tỷ lệ lợi nhuận gộp 0,55% của Quý 4/2025 được cải thiện đáng kể so với mức -1,15% của cùng kỳ năm ngoái, góp phần quan trọng giúp lợi nhuận gộp cả năm 2025 duy trì ở mức dương.



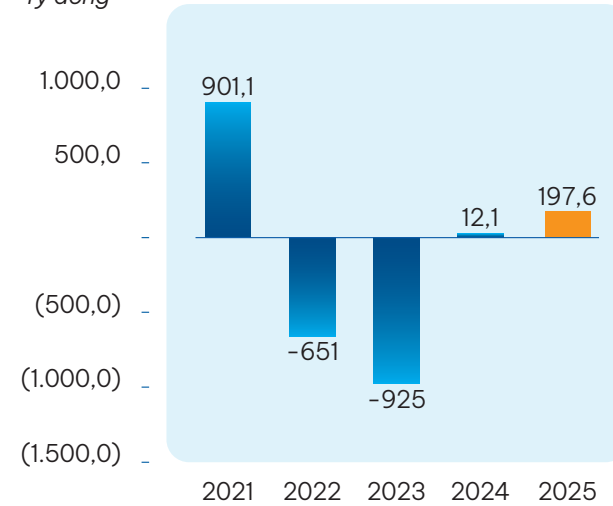
Doanh thu bán hàng 2021 – 2025

Tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế 2021 – 2025

Tỷ đồng



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2024	2025	Tăng/giảm %
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	8.929,8	7.010,3	-21,5%
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh				
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	8.924,1	7.008,9	-21,5%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	91,9	68,9	-25,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	(95,5)	(86,7)	-9,2%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	234,2	145,6	-37,8%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	176,4	148,4	-15,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu	%	1,03	0,98	-0,05%
Chi phí QLDN/Doanh thu	%	-1,07	-1,24	-0,17%
Chi phí tài chính/Doanh thu	%	2,6	2,1	-0,5%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	5,7	1,4	-76,2%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	241,9	26,5	-89,0%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	35,7	349,6	879,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	47,7	248,6	421,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,1	197,6	1.533,1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	0,06	0,02	-0,04%
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	0,14	2,82	2,68%
Tỷ suất LNST/VCSH (RoE)	%	1,49	19,6	18,1%
Tỷ suất LNST/Tổng Tài Sản (RoA)	%	0,25	4,44	4,19%

Chi phí bán hàng năm 2025 giảm 25% yoy, giảm nhiều hơn so với mức sụt giảm của doanh thu tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ, do đó tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu giảm nhẹ 0,05% và được duy trì ở mức tương đương gần 1% so với năm trước đó. Chi phí QLDN năm 2025 ghi nhận âm 87 tỷ đồng, trong đó bao gồm 77,5 tỷ đồng chi phí QLDN thông thường, giảm 12,7% so với chi phí quản lý thông thường của cùng kỳ năm trước, và có 164,2 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu, trong đó bao gồm hơn 190 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu của nhóm Novaland. Như vậy, việc thực hiện hoán đổi toàn bộ giá trị các khoản nợ đọng của nhóm Novaland qua hình thức nhận BĐS cầm trả công nợ giúp SMC vừa hoàn tất xử lý các khoản nợ đọng trọng yếu, vừa loại bỏ chi phí dự phòng và rủi ro tiềm ẩn cho việc khó thu hồi nợ đọng, và đảm bảo giá trị sổ sách Công ty không bị suy giảm bởi nợ xấu. Đây là một trong những nguyên nhân chính đóng góp vào kết quả lợi nhuận trong năm 2025.

Năm 2025, chúng kiến sự ổn định của lãi suất vay và sự biến động trong phạm vi có kiểm soát của tỷ giá VND/USD nhờ vào các chính sách và biện pháp điều hành linh hoạt của NHNN. Tổng nguồn vốn vay của SMC cũng được cắt giảm tương ứng với hoạt động kinh doanh hiện hữu, tạo điều kiện cho chi phí tài chính năm 2024 giảm gần 38% so với năm trước đó, trong đó chi phí lãi vay giảm gần 16% yoy.

Năm 2025 SMC tiếp tục tập trung triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, trong đó ghi nhận việc cắt giảm hoạt động sản xuất kinh doanh cán tẩy mạ và ống thép, thanh lý các nhà xưởng và MMTB, góp phần giúp Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận khác từ chuyển nhượng tài sản là 349 tỷ đồng trong năm 2025, gấp



TỔNG LNST HỢP NHẤT

197,6
TỶ ĐỒNG

gần 9 lần so với năm ngoái, và đóng góp quan trọng cho lợi nhuận sau cùng của doanh nghiệp

Kết thúc năm 2025, tổng LNST hợp nhất của SMC đạt 197,6 tỷ đồng, gấp 15,3 lần so với mức lợi nhuận đạt được của năm trước. Các chỉ số sinh lời của Doanh nghiệp như tỷ suất LNST/Doanh thu, RoE, và RoA năm 2025 do đó cũng được cải thiện tích cực ở mức tương ứng lần lượt là 2,82%, 19,6% và 4,44%.



Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2024	2025	Tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	3.086,7	2.692,2	-12,8%
Tiền mặt	Tỷ đồng	143,3	135,3	-5,6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	505,0	491,8	-2,6%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.546,6	1.432,9	-7,4%
Vòng quay phải thu người mua	Ngày	60	45	-25,0%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	627,7	411,2	-34,5%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	25	22	-12,0%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	1.691,5	1.761,5	4,1%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	1.206,3	865,9	-28,2%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.778,2	4.453,7	-6,8%

Tổng tài sản SMC kết thúc năm 2025 là 4.454 tỷ đồng, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản ngắn hạn là 2.692 tỷ đồng, giảm gần 13% so với năm 2024, tương ứng giảm hơn 394 tỷ đồng. Trong đó, tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn cuối kỳ là 627 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,3% so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn của SMC cuối năm 2025 là 1.433 tỷ đồng, giảm 7,4% so với cùng kỳ, trong đó đã phản ánh việc (1) hoàn nhập trích lập dự phòng các khoản phải thu chậm luân chuyển 190 tỷ đồng của nhóm Novaland, (2) vẫn còn 179 tỷ dự phòng cho các khoản phải thu khác và một phần nhỏ thuộc nhóm Novaland, (3) đã chuyển một phần khoản phải thu của Novaland, tương đương hơn 432 tỷ đồng, sang tài sản dài hạn thông qua việc nhận các BĐS cản trở công nợ. Vẫn tập trung vào chính sách bán hàng an toàn vốn và từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh, cùng việc cắt giảm mảng sản xuất, vòng quay khoản phải thu của SMC năm 2025 tiếp tục được cải thiện và đạt mức bình quân là 45 ngày, giảm 25% so với năm trước đó. Cùng với việc cắt giảm mảng sản xuất, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ và vòng quay hàng tồn kho bình quân năm 2025 cũng được rút giảm đáng kể so với năm 2024, tương ứng giảm 35% về giá trị và giảm 12% về số ngày tồn kho bình quân.

Tài sản dài hạn SMC cuối năm 2025 đạt gần 1.762 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,1%, tương ứng 70 tỷ đồng so với năm trước. Trong đó tài sản cố định ghi nhận giảm hơn 28% yoy, tương đương 340 tỷ đồng, kết quả của việc tái cấu trúc, cắt giảm các hoạt động kém hiệu quả và chuyển nhượng các tài sản cố định tương ứng, nhằm giảm tải hiệu quả kinh doanh kém và góp phần giải quyết các khó khăn hiện hữu về mặt tài chính và hiệu quả hoạt động cho Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc ghi nhận hơn 432 tỷ đồng giá trị các tài sản là BĐS thuộc hệ sinh thái Novaland được xử lý để cản trở công nợ quá hạn, tại mục Trả trước cho người bán dài hạn và Tài sản dở dang dài hạn, làm cho tổng tài sản dài hạn của SMC năm 2025 tăng hơn so với năm trước mặc dù ghi nhận sự sụt giảm mạnh của giá trị nhà xưởng, văn phòng và MMTB đã chuyển nhượng.

TỔNG TÀI SẢN CUỐI NĂM 2025 4.454 TỶ ĐỒNG





Cơ cấu Nợ và Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2024	2025	Tăng/giảm %
Nợ phải trả ngắn hạn	Tỷ đồng	3.709,3	3.380,0	-8,9%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	2.173,5	2.013,3	-7,4%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	1.420,5	1.197,0	-15,7%
Vòng quay phải trả người bán	Ngày	57	62	+9,5%
Nợ phải trả dài hạn	Tỷ đồng	259,1	66,3	-74,4%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tỷ đồng	217,1	35,9	-83,5%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	3.968,3	3.446,3	-13,2%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	809,8	1.007,4	24,4%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	736,8	736,8	0,0%
Nợ vay Tài chính/ Tổng VCSH	%	295,2	203,4	-91,8%
Tổng nợ phải trả/ Tổng VCSH	Lần	4,9	3,4	-30,6%

Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2025 của Công ty là 3.446 tỷ đồng, giảm gần 13% so với năm trước. Nợ phải trả ngắn hạn toàn hệ thống đạt 3.380 tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ, tương ứng giảm gần 328 tỷ đồng. Trong đó dư nợ vay tài chính ngắn hạn và phải trả người bán tương ứng là 2.013 tỷ đồng (-7% yoy) và 1.197 tỷ đồng (-16% yoy). Nợ phải trả dài hạn của SMC cuối năm 2025 tiếp tục giảm mạnh 74% yoy, chủ yếu là giảm các khoản vay thuê tài chính dài hạn và khoản trái phiếu 113,5 tỷ đồng đến hạn thanh toán trong năm 2026. Kết thúc năm 2025, vốn điều lệ Công ty tại thời điểm cuối năm là không đổi ở mức 736,8 tỷ đồng. Nhờ vào kết quả LNST khả quan, tổng VCSH của Doanh nghiệp cuối năm 2025 tăng 24,4% so với năm trước đó lên mức 1.007,4 tỷ đồng. Nhờ vào LNST năm 2025 được cải thiện tích cực hơn so với các năm trước đó, cùng việc sử dụng nguồn thu từ chuyển nhượng tài sản để cắt giảm các khoản vay từ các tổ chức tài chính cho các hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, các chỉ số trọng yếu về đòn bẩy tài chính năm 2025 ghi nhận giảm đáng kể so với các chỉ số của năm trước. Cụ thể, tỷ lệ Nợ vay tài chính ngắn và dài hạn/VCSH đã giảm từ 3 lần năm 2024 xuống còn 2 lần vào cuối năm 2025. Tỷ lệ Tổng nợ phải trả/VCSH cũng giảm từ gần 5 lần xuống còn 3,4 lần trong vòng 1 năm.

Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2026

Bước sang năm 2026, thế giới đứng trước một ngưỡng chuyển tiếp đặc biệt và phải đối mặt với nhiều thách thức cũng như biến động khó lường. Trật tự quốc tế dựa trên các luật lệ truyền thống tiếp tục bị bào mòn, nhường chỗ cho một cấu trúc linh hoạt hơn, phân mảnh hơn và khó dự đoán hơn. Cạnh tranh giữa các nước lớn không còn trong giới hạn chính trị, quân sự hay ngoại giao mà lan rộng ra kinh tế, thuế quan, trừng phạt tài chính, chuỗi cung ứng, và công nghệ.

Triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2026 được dự báo tăng trưởng chậm lại trong môi trường rủi ro cao, dù chưa rơi vào suy thoái toàn diện. Các tổ chức quốc tế lớn đều đưa ra kịch bản dự báo thận trọng, với tăng trưởng GDP toàn cầu dao động quanh mức 2,9-3,1%. Nguyên nhân chính đến từ tác động trễ của thuế quan cao hơn, rủi ro an ninh kinh tế địa chính trị, rủi ro an ninh năng lượng, bất ổn chính sách, và nợ công gia tăng tại nhiều nền kinh tế lớn. Các mối đe dọa hiện hữu đến sức khỏe kinh tế tài chính thế giới bao gồm: (1) cuộc chiến thuế quan và chủ nghĩa bảo hộ làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng chi phí sản xuất, suy giảm động lực tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, (2) rủi ro bất ổn tài chính, tiền tệ gia tăng trong bối cảnh lạm phát và giá cả năng lượng và hàng hóa tích trữ như đồng USD, vàng và bạc gia tăng mạnh, (3) nguy cơ bong bóng công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, có thể tạo ra những cú sốc lan tỏa tới đầu tư, thị trường vốn, và tăng trưởng.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập sâu vào thương mại, đầu tư và chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới phương thức phát triển, nâng cao năng lực nội sinh, và sức chống chịu, linh hoạt của nền kinh tế trong nước trước những biến động bất lường và các cú sốc bên ngoài. Nền kinh tế Việt Nam bước sang năm 2026, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030, với những chỉ số vĩ mô tích cực đạt được sau giai đoạn phục hồi 2024-2025. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang chịu sức ép từ sự phân mảnh địa chính trị và sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, các dự báo đều nhận định Việt Nam tiếp tục là ngôi sao sáng của khu vực ASEAN. Việt Nam cho thấy sức kháng cự của nền kinh tế tốt trước những cú sốc từ bên ngoài và nội lực của nền kinh tế ngày càng được củng cố.

Các chỉ tiêu trọng yếu được đặt ra cho phát triển kinh tế xã hội năm 2026 theo nghị quyết 01/NQ-CP bao gồm tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% cho mục tiêu kiểm soát an toàn hệ thống ngân hàng; tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu 15-16%; tăng trưởng GDP bút phá trên 10%, trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo chiếm khoảng 25%; và CPI tăng khoảng 4,5%. Việt Nam sẽ tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Chính sách tiền tệ tài khóa phải được điều hành linh hoạt và mở rộng hợp lý có trọng điểm; đồng thời, quản lý hiệu quả thị trường vàng, bất động sản, chứng khoán, và chống thất thu thuế. Về đầu tư công và hạ tầng giao thông trọng điểm, tiếp tục tập trung khắc phục các điểm nghẽn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ngay từ đầu năm 2026, nhất là với các dự án quan trọng, và chương trình mục tiêu trọng điểm quốc gia. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để phát triển bút phá, nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường xúc tiến, thu hút các dự án FDI có quy mô và chất lượng, khẩn trương hoàn thiện các cơ sở pháp lý và thể chế hỗ trợ phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Đáng lo ngại, trong những tháng đầu năm 2026, tình hình địa chính trị Trung Đông có nhiều diễn biến phức tạp. Tác động lan tỏa từ xung đột Mỹ - Israel và Iran kéo dài làm cho giá năng lượng tiếp tục tăng mạnh và duy trì ở mức cao, làm gia tăng rủi ro lạm phát, dẫn đến khả năng FED phải trì hoãn các đợt cắt giảm lãi suất dự kiến, hoặc thậm chí khó có thể cắt giảm lãi suất trong nửa cuối năm 2026. Những diễn biến địa chính trị gần đây làm gia tăng mức độ bất định và có thể gây ra các xu hướng đảo chiều cho các dự báo.





Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2026 (tiếp theo)

Giá dầu tăng mạnh không chỉ là câu chuyện của thị trường năng lượng mà còn là yếu tố có thể tác động tới nhiều lĩnh vực khác. Khi giá nguyên liệu tăng, chi phí vận tải và logistics thường tăng theo, kéo theo chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa tăng lên. Với một nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam, biến động chi phí vận tải và năng lượng toàn cầu có thể truyền dẫn vào giá thành sản xuất trong nước. Điều này khiến bài toán điều hành kinh tế vĩ mô trở nên phức tạp hơn khi vừa phải thúc đẩy tăng trưởng, vừa phải kiểm soát lạm phát trong phạm vi mục tiêu. Để thực hiện mục tiêu này, các giải pháp đảm bảo an ninh năng lượng được đặt lên hàng đầu. Cùng với đó, tiếp tục điều hành đồng bộ, linh hoạt, và hiệu quả các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt chú trọng sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

Nhìn tổng thể, kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026 với nền tảng tích cực khi nhiều chỉ số quan trọng duy trì xu hướng tăng trưởng. Tuy nhiên, những biến động mới của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là rủi ro từ thị trường năng lượng và địa chính trị, đang đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác điều hành. Việc khai thác hiệu quả các nguồn lực trong nước đồng thời chủ động ứng phó các cú sốc từ bên ngoài sẽ là yếu tố quyết định giúp nền kinh tế duy trì ổn định vĩ mô và đạt được mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

Mặc dù có sự leo thang đáng kể của cuộc chiến thương mại toàn cầu và những bất ổn địa chính trị, nhu cầu thép toàn cầu được tin tưởng sẽ có mức tăng trưởng vừa phải trong năm 2026. Triển vọng tích cực này dựa trên sức bền của nền kinh tế toàn cầu, sức mạnh ổn định trong các khoản đầu tư công về hạ tầng ở hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới, và dự kiến những thuận lợi trong các điều kiện tài chính. Theo đó, nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu năm 2026 được dự báo tăng trưởng khoảng 1,3% so với năm trước, dựa vào (1) tốc độ giảm nhu cầu thép từ Trung Quốc được dự báo chậm lại còn khoảng 1,0% khi thị trường nhà ở chạm đáy vào năm 2026, (2) các nền kinh tế đang phát triển như Ấn Độ, ASEAN, và UAE tăng trưởng mạnh kéo theo nhu cầu thép tăng, (3) nhu cầu thép Châu Âu được kỳ vọng sẽ phục hồi sau chuỗi thời gian dài trì trệ. Bên cạnh những dự báo tích cực, ngành thép thế giới nói riêng vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức cần phải tiếp tục thích ứng như: (1) ngành sản xuất thép toàn cầu tiếp tục đối mặt với áp lực từ chi phí sản xuất cao và sức mua của người tiêu dùng chưa hồi phục, (2) tình trạng căng thẳng thương mại chính trị leo thang đang tác động tiêu cực đến nhu cầu thép ở những nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu hàng hóa sử dụng thép như ô tô và điện gia dụng, (3) bất ổn địa chính trị sẽ tiếp tục kiểm hãm niềm tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư, làm suy yếu nhu cầu thép trên thị trường trọng điểm.

Ngành thép Việt Nam năm 2026 được dự báo tăng trưởng tích cực ở mức 8-10% song song với mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 là 10%, trong đó tăng trưởng công nghiệp đạt khoảng 11%. Theo VSA, dự báo sản xuất thép thành phẩm và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước năm 2026 lần lượt đạt là 34 triệu tấn và 26 triệu tấn tương ứng. Các động lực tăng trưởng chính từ nhu cầu tiêu thụ thép thị trường trong nước như chính sách đầu tư công, phục hồi bất động sản dân dụng cùng việc các dự án lớn đi vào hoạt động. Đáng chú ý, việc sản lượng sản xuất và sản lượng bán hàng vận động cùng chiều cho thấy khả năng hấp thụ của thị trường đang cải thiện tích cực hơn. Giá thép năm 2026 cũng được dự báo tăng trưởng khoảng 5-7% so với cùng kỳ, nhờ vào (1) chính sách tiếp tục cắt giảm sản lượng thép khoảng 2-4% của Trung Quốc trong năm 2026, (2) nguồn cung nguyên vật liệu than cốc và quặng ổn định tại Úc và Brazil, (3) giá năng lượng và vận chuyển tăng mạnh kéo theo giá đầu vào và chi phí sản xuất gia tăng.

Dựa trên bối cảnh chung về kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước cùng thị trường ngành thép năm 2026, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC năm 2026 được xây dựng với mục tiêu phục hồi hoạt động kinh doanh, cải thiện hiệu quả tài chính và thúc đẩy phát triển bền vững.

Các chỉ tiêu và định hướng kinh doanh chủ yếu cho năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	KH 2026/TH 2025
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	460.042	420.000	-8,7%
	- Thép dài	Tấn	199.693	220.000	+10,2%
	- Thép dẹt	Tấn	260.349	200.000	-23,2%
2	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	7.010	7.000	-0,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	197,6	30,0	-84,8%
4	Cổ tức	% mệnh giá	0%	0%	-

Các mục tiêu cụ thể cho năm 2026 nhìn tổng thể có sự sụt giảm so với năm 2025. Tuy nhiên đây là sự cắt giảm chủ động với mục tiêu định hướng cụ thể rõ ràng. Tổng sản lượng thép tiêu thụ cho năm 2026 được đặt ra là 420.000 tấn thép các loại, giảm gần 9% so với năm trước đó, chính yếu do sản lượng thép mạ kẽm và ống thép sụt giảm. Tuy nhiên, mục tiêu về sản lượng tiêu thụ thép xây dựng ghi nhận tăng hơn 10%, và mục tiêu về sản lượng tiêu thụ thép dẹt ghi nhận tăng 11,5%, sau khi đã loại trừ sản lượng thép mạ kẽm và ống thép đã bị cắt giảm trong năm 2026 so với năm trước đó.

Việc điều hành quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC sẽ dựa trên các định hướng chính sau:

- ☑ Toàn hệ thống SMC cần linh hoạt thích ứng nhanh nhất với tình hình mới và các biến động của thị trường, đẩy mạnh đảm bảo hoạt động SXKD ổn định và có hiệu quả.
- ☑ SMC tiếp tục thực hiện rà soát và đánh giá lại tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống, tập trung phát triển các mảng kinh doanh có hiệu quả, thoái vốn hoặc tái cơ cấu các dự án đầu tư và lĩnh vực hoạt động kém hiệu quả.
- ☑ Phân tích kỹ lưỡng, đánh giá sát bối cảnh, tình hình, nhận diện sớm trước những biến động nhanh và khó lường của tình hình kinh tế chính trị, tình hình ngành thép trong và ngoài nước, từ đó có các nhóm giải pháp nhằm thích ứng nhanh, phát huy mọi thuận lợi và cơ hội, vượt qua mọi khó khăn và thách thức để ổn định và phát triển.
- ☑ Đổi mới mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, và toàn diện hơn nữa trong quản lý kinh doanh, sản xuất, và tài chính. Nâng cao năng lực dự báo và phản ứng chính sách.
- ☑ Quản trị tồn kho và mua hàng trên nguyên tắc cẩn trọng, phù hợp, linh hoạt, dự trữ tồn kho tối ưu bám sát với diễn biến của thị trường. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chú trọng cả về chất và lượng, kết hợp tăng cường quản trị kiểm soát các khoản phải thu và rủi ro công nợ.
- ☑ Quy hoạch lại, phát triển và tối ưu hóa quy trình cụm Coil Center, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng giá trị sản phẩm cung cấp, nâng cao năng suất làm việc và hiệu suất sản xuất. Tiếp tục phấn đấu quản trị cải thiện chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn hệ thống. Chú trọng công tác an toàn lao động tại tất cả các nhà máy gia công sản xuất của hệ thống.
- ☑ Tiếp tục rà soát cập nhật lại các quy định, quy trình cho phù hợp với tình hình mới, phân định trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị, bộ phận và nhấn mạnh công tác kiểm soát nội bộ.
- ☑ Duy trì và phát triển tốt năng lực tài chính phục vụ cho hoạt động SXKD, đầu tư và đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro và giám sát tài chính trong toàn hệ thống, đảm bảo an toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.



BAN KIỂM SOÁT





GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà Võ Thị Tố Ngân
Trưởng Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế



Bà Lê Thị Cẩm Tú
Thành viên Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Luật



Bà Đặng Thị Thu Trang
Thành viên Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế



Bà Thái Thị Vân Anh
Thành viên Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn:
Kế toán Tài chính, FCCA, CPA



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm Soát và Sự thay đổi Nhân sự trong năm 2025

Trong năm 2025, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban TGD trong bối cảnh Công ty tái cấu trúc toàn diện. Ban Kiểm Soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp ĐHĐCĐ định kỳ và bất thường trong năm 2025, qua đó thực hiện công tác giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của cơ quan quản lý và điều lệ Công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban TGD.

Năm 2025 cũng ghi nhận sự thay đổi về nhân sự của Ban Kiểm Soát cho nhiệm kỳ 2021-2025, cùng với những thay đổi về nhân sự cấp cao của Công ty, nhằm kiện toàn mạnh mẽ về bộ máy tổ chức, phù hợp với mục tiêu tái cấu trúc, từng bước đưa Công ty vượt qua những khó khăn, thách thức hiện hữu.

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

STT	Họ và Tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Võ Thị Tố Ngân	Trưởng Ban	26.04.2021		4.429	0,01%
2	Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên	26.04.2021		10.000	0,01%
3	Đặng Thị Thu Trang	Thành viên	26.04.2021		4	0,0%
4	Thái Thị Vân Anh	Thành viên	25.09.2025		0	0,0%
5	Nguyễn Quang Trung	Thành viên	25.09.2025	31.12.2025	5.900.000	8,0%

Đánh giá Công tác chỉ đạo Hoạt động của HĐQT

Trước bối cảnh tình hình vĩ mô và ngành thép nói chung, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh cốt lõi của SMC nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu HĐQT theo hướng tinh gọn, đồng thời thực hiện việc bầu bổ sung, bổ nhiệm, và thay đổi một số thành viên HĐQT theo đúng trình tự, đúng các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Việc thay đổi cơ cấu HĐQT SMC trong năm 2025 nhằm kiện toàn bộ máy quản trị và phù hợp với định hướng tái cấu trúc hoạt động của Công ty.

❏ Bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Anh là Chủ Tịch HĐQT thay thế cho bà Nguyễn Thị Ngọc Loan từ ngày 25/09/2025 thông qua ĐHĐCĐ bất thường.

❏ Thực hiện giảm số lượng thành viên HĐQT từ 8 thành viên xuống còn 5 thành viên, để nâng cao hiệu quả điều hành và phù hợp với mô hình quản trị mới.

BKS nhận thấy HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền, bao gồm việc định hướng chiến lược tái cấu trúc, phục hồi, xem xét tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, và các giải pháp linh hoạt kịp thời nhằm ổn định hoạt động của Công ty trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động bất lường. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức theo đúng quy định, các tài liệu phục vụ họp được chuẩn bị đầy đủ và gửi đến các thành viên HĐQT nghiên cứu trước khi thảo luận và biểu quyết. Các nghị quyết của HĐQT được thông qua trên cơ sở thảo luận và thống nhất tập thể, biểu quyết theo quy định, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động quản trị Doanh nghiệp.

HĐQT đã tăng cường giám sát các hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, theo sát các hoạt động diễn biến của Công ty, để có những chỉ đạo kịp thời, đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm ổn định hoạt động và từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp. BKS ghi nhận và đánh giá cao sự quyết liệt, dũng cảm của HĐQT và Ban Điều Hành mới trong việc thực hiện các quyết sách mang tính bước ngoặt để vực dậy SMC, cụ thể:

- ❑ **Mạnh tay tái cấu trúc tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh:** HĐQT đã dứt khoát chỉ đạo chuyển nhượng nhiều tài sản kém hiệu quả và chấm dứt hoạt động tại các Công ty thành viên yếu kém để thu hồi vốn, cắt giảm chi phí, tạo dòng tiền mới, chuẩn bị cho các năm tiếp theo.
- ❑ **Thành lập Ban quản lý Nợ đọng:** Đây là một bước tiến lớn để xử lý các công nợ tồn đọng của các năm trước tới nay. Việc thành lập Ban quản lý Nợ đọng trong hệ thống nhằm tập trung xử lý khủng hoảng công nợ, một trong các vấn đề cốt lõi của Công ty, gây ảnh hưởng tiêu cực và thiệt hại đến tình hình hoạt động và sức khỏe tài chính của Doanh nghiệp trong các năm vừa qua.





Đánh giá Công tác Điều hành của Ban Tổng Giám Đốc

Có thể nói 2025 vẫn là năm khó khăn đối với SMC trong các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Ban Điều Hành của Công ty đã bám sát các nghị quyết ĐHCĐ và chỉ đạo của HĐQT để triển khai và nỗ lực đưa Công ty vượt qua khó khăn. Việc mạnh dạn thực thi cắt giảm tài sản và các hoạt động kinh doanh kém hiệu quả làm cho sản lượng và doanh thu năm 2025 không đạt được kế hoạch đã đề ra và sụt giảm so với năm trước đó, tuy nhiên LNST hợp nhất của năm 2025 đã chứng minh cho những nỗ lực đáng ghi nhận.

Đặc biệt, Ban Điều Hành cùng với HĐQT mới đã quyết liệt và tích cực tiến hành đàm phán xử lý các khoản công nợ quá hạn với Nova Group, đàm phán với các nhà cung cấp, các đối tác, tổ chức tín dụng, đồng thời nâng cao năng lực quản trị bán hàng trong hệ thống, cắt giảm chi phí, cải thiện dần hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ số liệu BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2025 có sự phân hóa rõ rệt, với một số điểm chính như sau:

DOANH THU SỤT GIẢM

Tổng doanh thu thuần năm 2025 của SMC đạt 7.010 tỷ đồng, giảm 21,5% so với mức 8.930 tỷ đồng của năm 2024, nguyên nhân chính được cho là (1) ngành thép có sự hồi phục nhưng chưa đủ mạnh mẽ trong khi SMC chưa phục hồi được hoạt động kinh doanh liên quan đến mảng BĐS dự án, (2) Công ty đã có những bước chủ động cắt giảm các hoạt động sản xuất kinh doanh rủi ro, kém hiệu quả bao gồm Cán tủy, mạ kẽm, ống thép, và thiết bị tự động.

LỢI NHUẬN TĂNG VẬT

SMC ghi nhận mức LNST hợp nhất 197,6 tỷ đồng cho năm 2025 so với mức 12,1 tỷ đồng của năm 2024. Tuy nhiên, BKS nhấn mạnh rằng khoản lãi này không đến từ hiệu quả của hoạt động kinh doanh cốt lõi, vốn vẫn còn nhiều hạn chế khi lợi nhuận gộp cả năm 2025 chỉ đạt 1,4 tỷ đồng. Khoản lợi nhuận cao đạt được là nhờ vào (1) gần 350 tỷ từ thanh lý tài sản cố định, và (2) nỗ lực thu hồi và xử lý nợ đọng, đặc biệt là các khoản nợ của group Novaland giúp Công ty hoàn nhập hơn 164 tỷ đồng dự phòng các khoản phải thu trong năm 2025.

CÁC RỦI RO CÒN TỒN ĐỌNG

Dù nợ vay ngắn hạn đã tiếp tục giảm trong năm 2025, chi phí lãi vay năm 2025 vẫn ở mức cao là 148 tỷ đồng. Nếu không có lợi nhuận bất thường từ việc chuyển nhượng tài sản và hoàn nhập dự phòng, Công ty sẽ đối mặt với khoản lỗ lớn từ chi phí quản lý vận hành và chi phí tài chính. Rủi ro về các khoản nợ xấu chưa được xử lý vẫn còn tồn đọng, do đó Công ty cần quyết liệt có giải pháp xử lý dứt điểm.





Kiến nghị của Ban Kiểm Sát

Chuyển đổi chiến lược lợi nhuận lõi

Công ty không thể duy trì sự tồn tại bằng việc bán tài sản trong dài hạn. BKS đề nghị Ban TGD tập trung toàn lực vào các mảng hoạt động chính sau tái cấu trúc, đặc biệt đối với mảng Coil Center và tận dụng tối đa vị thế là nhà cung cấp Tier 1 của Samsung để gia tăng thêm sản lượng, hiệu quả, và mở rộng tệp khách hàng hướng đến các doanh nghiệp FDI, nhằm cân bằng và bù đắp cho sự sụt giảm và/hoặc biên lợi nhuận mỏng của mảng thương mại thép truyền thống.

Để trụ vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu, SMC bắt buộc phải duy trì và nâng cấp các tiêu chuẩn về Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG), năng lực truy xuất dữ liệu (số hóa) và bảo mật thông tin, thay vì chỉ tập trung vào kỹ thuật gia công và các vận hành, hoạt động truyền thống.

Đầu tư vào ESG và Chuyển đổi số

Phát huy vai trò của Ban quản lý Nợ đọng

Yêu cầu Ban Quản lý Nợ ngoài việc xử lý các khoản nợ tồn đọng của Công ty, còn phải đưa ra các quy định, kỷ luật nghiêm ngặt, chặt chẽ đối với quy trình bán nợ, áp dụng cơ chế gắn trách nhiệm trực tiếp đối với bộ phận kinh doanh nếu để phát sinh nợ nhóm rủi ro, đồng thời thúc đẩy các hành động pháp lý để thu hồi số nợ xấu còn tồn đọng.

Ban điều hành cần tích cực đàm phán với các tổ chức tín dụng, và đối tác để tối ưu hóa chi phí lãi vay, cơ cấu lại kỳ hạn và cơ cấu lại đòn bẩy tài chính, bổ sung thêm vốn, nhằm giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay, nhất là trong bối cảnh giá thành sản xuất toàn cầu đang có nguy cơ bị ảnh hưởng nhiều bởi cuộc chiếm Mỹ/Israel và Iran.

Tái cấu trúc nguồn vốn vay





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị rủi ro

01

Rủi ro kinh tế vĩ mô và Rủi ro ngành

Trong bối cảnh căng thẳng địa kinh tế chính trị toàn cầu năm 2025-2026 có nhiều yếu tố bất định và khó lường, rủi ro vĩ mô vẫn tiếp tục là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và đầu tư. Do đó việc nhận diện và quản trị rủi ro vĩ mô là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp có thể ứng phó linh hoạt và duy trì sự ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong nước, mặt dù các nền tảng và các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tích cực hơn, tuy nhiên cơ hội và thách thức đan xen. Trong khi căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn chưa hạ nhiệt, làm giảm tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu, thì bất ổn địa chính trị và chiến tranh tại khu vực Trung Đông leo thang, gây ra căng thẳng về giá năng lượng và logistics, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, đẩy rủi ro về chi phí giá cả hàng hóa, chi phí sản xuất, ngoại tệ, và lạm phát tăng trở lại trong năm 2026. Trong bối cảnh môi trường kinh tế quốc tế còn nhiều biến động, và thị trường trong nước đang xuất hiện những chuyển động mới, việc các doanh nghiệp chủ động theo sát diễn biến thị trường nhằm xây dựng kế hoạch ứng phó và quản trị rủi ro phù hợp, là hết sức cần thiết và cấp bách.

Ngành thép năm 2025-2026 đối mặt với các biến động về giá thép, cạnh tranh từ thép nhập khẩu, rủi ro thương mại và các chính sách thuế phòng vệ thương mại, các chính sách quy định về sản xuất thép xanh, biến đổi khí hậu và môi trường. Việc quản trị rủi ro hiệu quả các yếu tố ngành góp phần quan trọng giúp doanh nghiệp duy trì lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững. Ngành thép hiện đang đối mặt với nhiều yếu tố bất định, trong đó nhu cầu tiêu thụ chậm lại gây nên áp lực về cân bằng cung cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thép các loại. Chi phí đầu vào nguyên vật liệu sản xuất thép rủi ro biến động theo chiều hướng bất lợi cộng với các chính sách thuế quan phòng vệ thương mại liên tục được đặt ra gây nên những bất ổn khó lường cho ngành thép. Các doanh nghiệp thép trong nước phải chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và hiệu quả hoạt động. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp thép trong nước cần phải duy trì và mở rộng nguồn cung cấp nguyên liệu, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường chính; tối ưu chính sách bán hàng và định mức dự trữ hàng tồn kho để giảm chi phí tài chính và rủi ro biến động giá thép. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thép, không ngừng nâng cao năng lực tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế cũng như đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm sự phụ thuộc và rủi ro do các chính sách phòng vệ thương mại thép.

Rủi ro chính sách và Rủi ro pháp luật

Các chính sách trọng yếu trong việc điều hành phát triển kinh tế chính trị có ảnh hưởng nhất định đến các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đó. Sự thay đổi các chính sách về tài khóa, chính sách tiền tệ tín dụng, chính sách thuế, chính sách quản lý bình ổn giá cả hàng hóa, có thể đem đến những thuận lợi cũng như rủi ro về chính sách và pháp lý cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện và áp dụng. Việc đồng bộ hóa chính sách, kịp thời nhận diện và tìm kiếm giải pháp hạn chế rủi ro phát sinh của chính sách sẽ giúp cho doanh nghiệp yên tâm phát triển. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng phải liên tục cập nhật các chính sách quan trọng, có liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD của mình để triển khai kịp thời và thực hiện một cách có hiệu quả các chính sách của nhà nước. Bên cạnh việc liên tục đào tạo bồi



dưỡng nhân sự nhằm đảm bảo tuân thủ và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục pháp lý pháp chế có liên quan, Công ty cũng linh hoạt sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Rủi ro tài chính tín dụng

Ngành thép là một trong những ngành có tỷ lệ vốn vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp. Nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu đầu tư phát triển mới và cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí lãi vay, và biến động tỷ giá khó lường sẽ là các yếu tố về tài chính tín dụng gây khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động của SMC trong năm 2025 tiếp tục gặp nhiều khó khăn khi nguồn vốn tín dụng bị thắt chặt và cắt giảm. Việc này thử thách và đòi hỏi SMC phải quyết liệt và chủ động hơn trong việc sắp xếp lại nguồn vốn và cơ cấu nợ, tái cấu trúc và thanh lý tài sản để giảm dư nợ vay và chi phí tài chính ở những mảng hoạt động kém hiệu quả, đồng thời bổ sung thêm nguồn vốn bù đắp cho nguồn vốn vay bị cắt giảm, và đáp ứng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp. Việc giám sát và triển khai chính sách mua hàng, tồn kho, bán hàng, và thu hồi công nợ cũng cần được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo dòng tiền tích cực từ hoạt động kinh doanh bổ sung cho nguồn vốn. Các biện pháp phòng ngừa biến động tỷ giá bằng các hợp đồng tương lai mua bán ngoại tệ được tận dụng đúng thời điểm và hiệu quả, đóng góp phần nào vào việc tiết giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất khả năng khó điều chỉnh, duy trì ở mức cao kéo dài, cùng sự mạnh lên của đồng USD sẽ làm chi phí tài chính tăng lên, làm giảm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư; các doanh nghiệp có tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao như SMC sẽ phải chịu áp lực về thanh khoản và chi phí lớn.

Rủi ro khác

Các rủi ro mang tính chất bất khả kháng và khó lường như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, rủi ro địa chính trị... nếu xảy ra sẽ có tác động đến tình hình SXKD của Công ty.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tổ chức và nhân sự

02

Công tác nhân sự hệ thống SMC trong năm 2025 bám sát chỉ đạo từ Ban Điều Hành: kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng tối ưu hóa nguồn nhân lực, phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân, bộ phận trong công tác chuyên môn trên toàn hệ thống, đảm bảo phù hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế theo đặc thù của từng đơn vị, và từng mảng kinh doanh trong hệ thống.

Tập thể CBNV Công ty SMC luôn nỗ lực và cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình trên từng vị trí công việc, phát huy tính đa năng đa nhiệm ở mỗi cá nhân, đồng hành cùng Ban Lãnh Đạo SMC trong việc củng cố, vượt qua khó khăn, và giữ vững thương hiệu SMC trên thương trường.

Chi tiết công tác Hành chính Nhân sự năm 2025

Kiện toàn bộ máy nhân sự

- ▣ Cắt giảm, tinh gọn bộ máy nhân sự theo tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm của hệ thống
- ▣ Cơ cấu bộ máy nhân sự theo hướng đa năng đa nhiệm, tối ưu hóa nguồn lực, sắp xếp nhân sự luân chuyển trong hệ thống, đảm bảo phù hợp vị trí, phát huy tối đa năng lực chuyên môn và vai trò của từng cá nhân.
- ▣ Theo chỉ đạo từ Ban Điều Hành, với định hướng quyết liệt tái cấu trúc toàn bộ hoạt động của hệ thống, SMC đã tiến hành cắt giảm hoạt động, hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, thanh lý tài sản đối với các Công ty thành viên thuộc cụm sản xuất bao gồm: ống thép Sendo, cán tẩy mạ kẽm SMC Cơ Khí, Thép SMC, Thiết Bị Tự Động, dẫn đến việc giảm mạnh lực lượng nhân sự, đặc biệt là công nhân khối sản xuất trong năm 2025.
- ▣ Đối với CTTV thuộc cụm Coil Center, bao gồm Gia Công Thép và Cơ Khí Chính Xác: duy trì kiểm soát định biên nhân sự, định biên ca máy theo thực tế hoạt động sản xuất gia công, kiểm soát tăng ca, ngoài giờ, đảm bảo bố trí tăng ca phù hợp với thực tế sản xuất của từng nhà máy.

Tiết giảm các chi phí HCNS

- ▣ Tiến hành rà soát và tiết giảm tối đa các chi phí hành chính nhân sự: dịch vụ bảo vệ, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ sân vườn, công tác bảo trì bảo dưỡng hệ thống vận hành tòa nhà văn phòng/ nhà xưởng... phù hợp thực tế hoạt động, đảm bảo tiết kiệm và duy trì hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- ▣ Thanh lý nhiều xe công vụ, đưa đón CBNV, chuyển qua hình thức thuê dịch vụ, xe công nghệ để tiết giảm nhân sự và tiết kiệm tối đa chi phí.



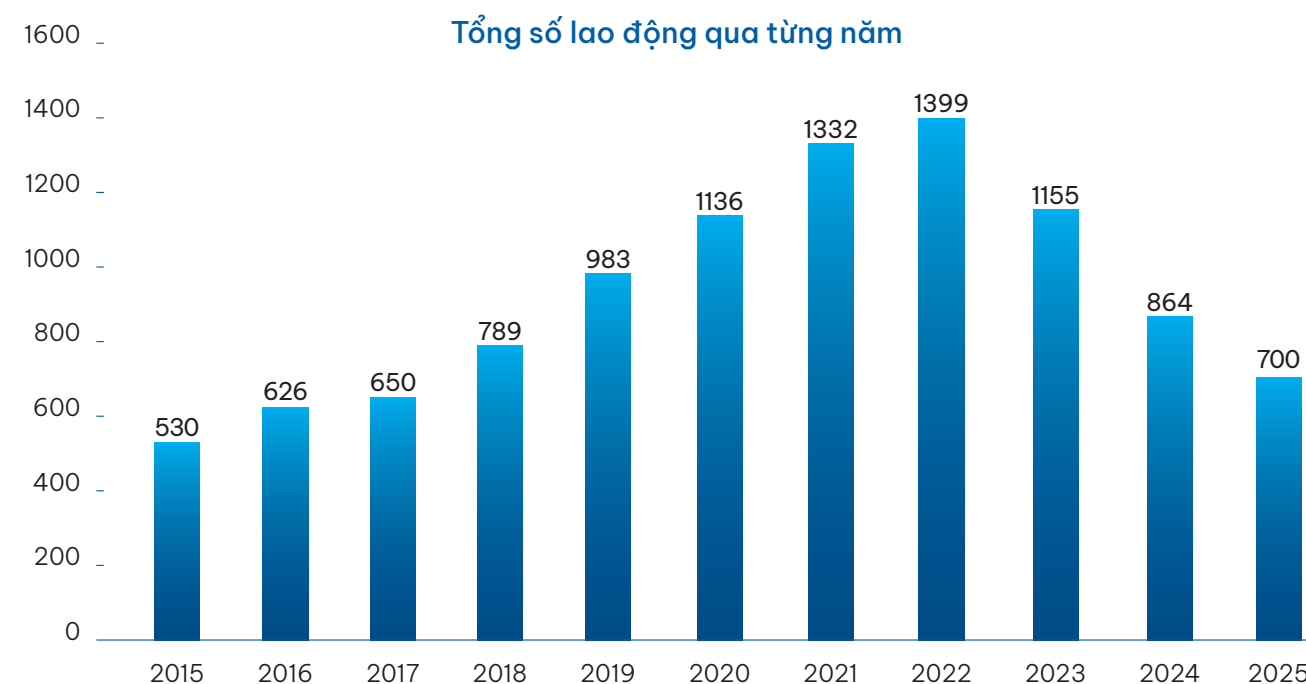


Cơ cấu Nhân sự

Tính đến 31/12/2025, tổng số lượng nhân sự của SMC (bao gồm cả công ty liên doanh) là 700 lao động, giảm 164 nhân sự tương ứng giảm 19% so với năm 2024. Số lượng nhân sự năm 2025 tiếp tục giảm mạnh theo chủ trương thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu lại bộ máy tổ chức, tinh gọn lực lượng nhân sự song song với việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản đối với các đơn vị hoạt động kém hiệu quả.

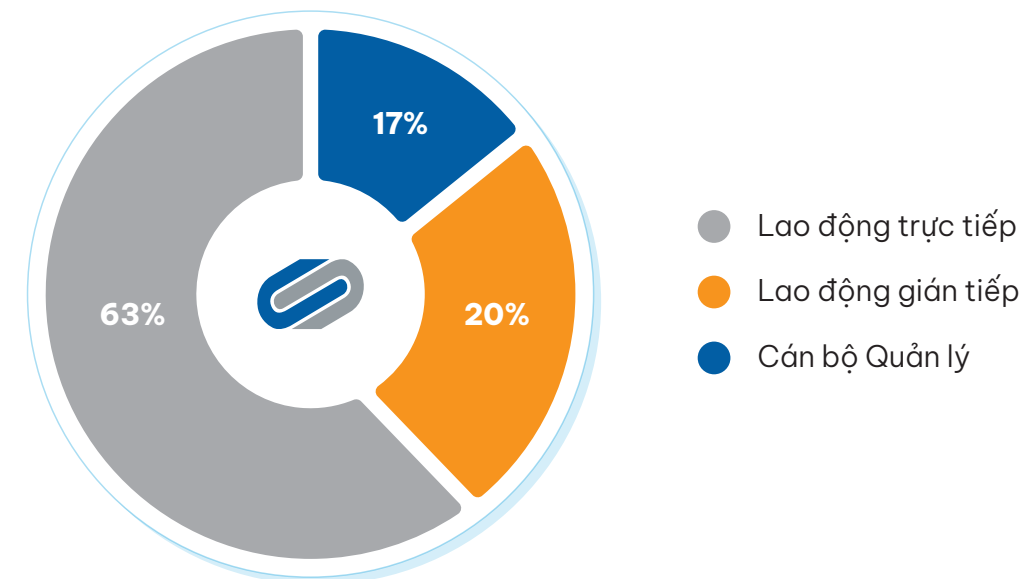
Độ tuổi trong cơ cấu nhân sự của SMC năm 2025 có sự thay đổi nhẹ so với năm 2024, trong đó đội ngũ lao động có độ tuổi dưới 33 chiếm 52%, đội ngũ lao động từ 33 đến 48 tuổi chiếm 43% trên tổng số lao động toàn hệ thống. Số liệu này chứng tỏ có sự ổn định trong đội ngũ nhân sự nòng cốt, nhóm nhân sự có kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng đang tăng lên, là tiền đề cho sự phát triển bền vững và đào tạo nội bộ hiệu quả. Đội ngũ nhân sự SMC là sự hòa quyện đa dạng trong lực lượng lao động tổng thể, mang lại nhiều lợi ích đáng kể, là tập hợp các kỹ năng, kinh nghiệm, và quan điểm sâu rộng, dẫn đến các quyết định phù hợp, đổi mới mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn, và khả năng chống chịu cao hơn trước các thách thức của thị trường.

Trình độ chuyên môn của lực lượng nhân sự hiện tại trong năm 2025 vẫn giữ vững về chất lượng với đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, đảm bảo tối đa yêu cầu công việc. Trong đó, trình độ từ Đại học trở lên chiếm 27%, Cao đẳng/Trung cấp/Nghề chiếm khoảng 45%. Cơ cấu nhân sự đảm bảo cân bằng giữa nhóm đào tạo nghề nghiệp, thực hành, tay nghề cao và nhóm có nền tảng học thuật, quản lý. Đây là cấu trúc nhân sự khỏe, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn tái cấu trúc quan trọng này, giúp Công ty vừa duy trì được khả năng thực thi kỹ thuật cao, vừa có lực lượng hỗ trợ, quản lý để hoạch định chiến lược và chuẩn hóa quy trình. Việc đảm bảo giữ vững lực lượng nhân sự nòng cốt, nâng chất lượng nhân sự sau tái cơ cấu và kiện toàn bộ máy nhân sự luôn là một trong những kim chỉ nam trong phương châm hoạt động của SMC.



Trong đó, tổng số lao động thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC, các Công ty Thành viên trực thuộc hệ thống và các Công ty liên doanh mà SMC sở hữu trên 50% cổ phần là: **460 lao động**. (Số liệu cập nhật đến 31/12/2025)

Cơ cấu lực lượng lao động



Thu nhập và phúc lợi của người lao động trong hệ thống SMC

Năm 2025, SMC vẫn còn gặp nhiều khó khăn trên các lĩnh vực hoạt động, tuy nhiên Doanh nghiệp vẫn cố gắng ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo mức thu nhập của CBNV toàn hệ thống, kịp thời có những điều chỉnh về thu nhập và các khoản hỗ trợ cho CBNV theo tình hình thực tế của từng đơn vị trong hệ thống.

Cơ chế Lương và Chính sách

Tiếp tục triển khai linh hoạt cơ chế lương, chính sách, chế độ đãi ngộ cho CBNV, đảm bảo sự hài hòa, phù hợp, và công bằng dựa trên vị trí, trách nhiệm công việc, khối lượng công việc, thâm niên công tác, và hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại từng đơn vị, bộ phận, nhằm mục tiêu ổn định thu nhập của CBNV và đảm bảo phù hợp với thị trường lao động cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

Ổn định Quỹ lương

Duy trì cam kết về quỹ lương và từng bước ổn định mức thu nhập cho nhân sự toàn hệ thống sau giai đoạn tái cơ cấu bộ máy và tối ưu hóa chi phí nhân sự

Phúc lợi và Tuân thủ

Cam kết đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách dành cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ thai sản, ốm đau, hưu trí, quà tết..., tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể trong việc hỗ trợ, động viên, và gắn kết CBNV toàn hệ thống.



Tuyển dụng, đào tạo, phát triển

Tuyển dụng tinh gọn

Ưu tiên tuyển dụng, sắp xếp nhân sự nội bộ, điều chuyển sắp xếp vị trí công việc phù hợp cho người lao động trong hệ thống. Tìm kiếm và mở rộng thêm các nguồn tuyển dụng mới nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự theo từng giai đoạn sản xuất kinh doanh cụ thể.

Đào tạo nâng cao năng lực

Tập trung vào các hoạt động đào tạo an toàn theo quy định và đào tạo nội bộ nâng cao chuyên môn, tay nghề từ thực tế công việc, đào tạo an toàn lao động, ISO, hội nhập, đào tạo an toàn điện và hóa chất, đào tạo quy chuẩn tác phong công nghiệp, PCCC, các khóa kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm được duy trì thường xuyên và định kỳ theo tháng/quý/năm. Tiếp tục xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, nâng cao năng lực chuyên môn, sẵn sàng cho các nhu cầu điều chuyển, kiêm nhiệm, để bứt phá theo tình hình thực tế, đảm bảo chất lượng đội ngũ nhân sự quản lý cấp trung, cấp cao.

Môi trường làm việc

Duy trì và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện trên cơ chế mở, với các thông tin truyền thông rõ ràng, minh bạch, đảm bảo tính tuân thủ trên toàn hệ thống và phát huy văn hóa doanh nghiệp.





Hoạt động HCNS trong năm 2026: Phát triển bền vững và nâng tầm nguồn lực

Sau khi hoàn thành mục tiêu tái thiết và tối ưu hóa nhân sự trong năm 2025, định hướng năm 2026 sẽ chuyển trọng tâm sang phát triển bền vững, ổn định cơ cấu tổ chức, và nâng cao năng lực cạnh tranh của đội ngũ nhân sự để đáp ứng yêu cầu hội nhập, chuyên nghiệp, và phát triển dài hạn của SMC.



Về Cơ cấu và Chiến lược Nhân sự

- Ổn định Cơ cấu: Hoàn tất quá trình tái cấu trúc, ổn định sơ đồ tổ chức, và tập trung vào đánh giá hiệu suất theo mục tiêu công việc (KPIs/OKRs) một cách minh bạch và hiệu quả trên toàn hệ thống.
- Nâng tầm chất lượng nguồn nhân lực, hướng đến đáp ứng các tiêu chuẩn nhân sự của đối tác lớn và các yêu cầu khắt khe của thị trường.



Về Thu nhập và Đãi ngộ

- Cơ chế Lương cạnh tranh: Xây dựng khung chế độ đãi ngộ dài hạn, có tính cạnh tranh so với mặt bằng thị trường, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài chất lượng cao, đặc biệt là nhân sự kế thừa và nhân sự cốt cán.
- Đánh giá Hiệu suất và Thưởng: Thiết lập cơ chế thưởng gắn liền trực tiếp với kết quả kinh doanh chung của hệ thống và kết quả đánh giá hiệu suất công việc cá nhân, tạo động lực mạnh mẽ cho CBNV.



Về Đào tạo và Phát triển Nhân tài

- Đào tạo chuyên sâu: Chuyển từ đào tạo kiến thức cơ bản sang các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng quản lý cấp cao, chuyên môn nghiệp vụ cao, và tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ quản lý.
- Kế hoạch Kế thừa Chiến lược: Triển khai Kế hoạch Kế thừa một cách bài bản, rõ ràng cho các vị trí quản lý trọng yếu, đảm bảo sự chuyển giao thông suốt và nguồn lực lãnh đạo vững vàng cho tương lai.
- Văn hóa Học hỏi: Xây dựng văn hóa khuyến khích tự học, tự nghiên cứu và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, thúc đẩy tinh thần đa năng, đa nhiệm trong toàn bộ đội ngũ.



Chuyển đổi Số trong Quản trị Nhân sự và Phát triển Nguồn lực

- Tự động hóa Quy trình HCNS: Đẩy mạnh áp dụng công nghệ vào các quy trình HCNS nhằm số hóa và tự động hóa các tác vụ lặp lại (như chấm công, tính lương, quản lý hồ sơ, thủ tục nghỉ phép...), giúp bộ phận HCNS tối ưu thời gian, nguồn lực và nâng cao tính chính xác, minh bạch.
- Phát triển Kỹ năng Số: Xây dựng các chương trình đào tạo tập trung vào kỹ năng số cho toàn bộ CBNV, đặc biệt là khả năng khai thác và ứng dụng công cụ làm việc mới, nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh và sản xuất ngày càng được số hóa.
- Quản lý Dữ liệu Nhân sự: Triển khai hệ thống quản lý dữ liệu nhân sự tập trung, hướng tới việc phân tích dữ liệu trong việc ra quyết định nhân sự. Sử dụng dữ liệu để dự báo nhu cầu nhân lực, đánh giá hiệu suất, và xây dựng các chính sách đãi ngộ/ giữ chân nhân tài một cách khoa học và hiệu quả hơn.
- Văn hóa Đổi mới: Thúc đẩy văn hóa sẵn sàng tiếp nhận công nghệ mới và liên tục cải tiến quy trình làm việc, coi chuyển đổi số là động lực để nâng cao năng suất và chất lượng công việc trên toàn hệ thống SMC.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

03

SMC tiếp tục thực hiện chuẩn mực công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động công bố thông tin luôn được cập nhật/phản hồi một cách rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị, đầu tư tài chính, sản xuất vận hành của SMC để nhà đầu tư, đối tác, khách hàng có thể truy cập, kiểm tra và nắm bắt thông tin kịp thời. Công ty luôn công bố thông tin, cập nhật về hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo tháng, quý, năm một cách đầy đủ, cởi mở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu đối với kết quả hoạt động, kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

Cổ phiếu SMC

Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	736.785.870.000	Đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	73.606.837	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2025) 13.150	968.873.419.050	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2025 (EPS)	2.447	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2025 (BPS)	13.673	Đồng
Biến động giá VN-Index trong năm 2025	+40,9%	
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2025	+57,3%	

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi dấu một năm thành công rực rỡ khi VNIndex đóng cửa ở mức 1.784 điểm, tăng gần 41% so với đầu năm, thuộc nhóm thị trường tăng mạnh nhất thế giới. Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất định, TTCK Việt Nam không những duy trì được sự ổn định mà còn ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng về chỉ số, quy mô, thanh khoản và độ rộng thị trường, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của thị trường vốn trong nền kinh tế. Vốn hóa TTCK năm 2025 đạt gần 10 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 84% GDP với thanh khoản bình quân mỗi phiên giao dịch lên đến gần 29.500 tỷ đồng. Việc TTCK Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp và việc đưa vào vận hành hệ thống KRX giúp nâng cao hiệu quả và thanh khoản giao dịch, cũng như mở ra cánh cửa đón dòng vốn quốc tế quy mô lớn, nâng vị thế quốc gia, và tạo động lực mới cho hội nhập tài chính khu vực và thế giới.

TTCK Việt Nam năm 2025 cũng bị phân hóa mạnh mẽ, mức tăng mạnh của thị trường trong năm được hỗ trợ và dẫn dắt bởi một số nhóm cổ phiếu lớn, trong đó nhóm cổ phiếu Vingroup đóng vai trò chủ chốt. Đa số các cổ phiếu kết thúc năm 2025 đi ngược xu hướng hoặc có tốc độ tăng trưởng trong năm thấp hơn nhiều so với VNIndex, trong đó có nhóm cổ phiếu ngành thép. Ngược dòng số đông, cổ phiếu SMC đã ghi nhận một năm tăng trưởng tích cực với tốc độ tăng trưởng giá cổ phiếu SMC trong năm 2025 đạt hơn 57% so với mức tăng chung 41% của thị trường.



Cổ tức và Cổ phiếu

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, Công ty KHÔNG thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông, cũng như không có biến động làm thay đổi vốn điều lệ và số cổ phiếu trong năm.

Cơ cấu cổ đông

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2025 và 3 tháng đầu năm 2026:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Mua	Bán
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT HĐQT	1.389.764	1,89	2.389.764	3,2	1.000.000	-
Phạm Hoàng Anh	CT HĐQT	0	0,0	1.000.000	1,4	1.000.000	-
Nguyễn Quang Trung	TGD	0	0,0	5.900.000	8,0	5.900.000	-

Thông tin cổ đông theo danh sách chốt ngày 30/03/2026:

	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%
Tổng vốn chủ sở hữu	58.790.210	79,8	14.888.377	20,2	73.678.587	100,0
Cổ đông sáng lập (*)	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Cổ đông sở hữu trên 5%	5.900.000	8,0	14.416.476	19,6	20.316.476	27,6
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	25.842.700	35,1	0	0,0	25.842.700	35,1
Cổ đông sở hữu dưới 1%	26.975.760	36,6	471.901	0,6	27.447.661	37,3
Cổ phiếu quỹ	71.750	0,1	0	0,0	71.750	0,1





Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt

	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	25.548.864	0	25.548.864	34,7
Hội đồng quản trị	17.879.074	0	17.879.074	24,3
Ban Tổng giám đốc	7.620.467	0	7.620.467	10,3
Ban kiểm soát	20.633	0	20.633	0,03
Kế toán trưởng	28.690	0	28.690	0,04
Cổ đông nắm giữ >=5%	20.316.478	0	20.316.478	27,6
Hanwa Co.,Ltd	14.416.476	0	14.416.476	19,6
Nguyễn Quang Trung	5.900.000	0	5.900.000	8,0
Cổ đông nước ngoài	14.888.377	0	14.888.377	20,2
Tổ chức	14.653.110	0	14.653.110	19,9
Cá nhân	235.267	0	235.267	0,3
Cổ phiếu quỹ	71.750	0	71.750	0,1

Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Phạm Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT	1.000.000	0	1.000.000	1,4
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT HĐQT - PTGD	2.389.764	0	2.389.764	3,2
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	14.416.476	0	14.416.476	19,6
Nguyễn Ngọc Anh Duy	Thành viên HĐQT	72.834	0	72.834	0,1
Hoàng Trung Dũng	Thành viên HĐQT	0	0	0	0,0
Nguyễn Quang Trung	TGD	5.900.000	0	5.900.000	8,0
Nguyễn Quốc Thắng	Phó TGD	1.720.467	0	1.720.467	2,3
Võ Thị Tố Ngân	BKS	10.629	0	10.629	0,01
Đặng Thị Thu Trang	BKS	4	0	4	0,0
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	10.000	0	10.000	0,01
Thái Thị Vân Anh	BKS	0	0	0	0,0
Nguyễn Văn Lâm	KTT	28.690	0	28.690	0,04
Tổng cộng		25.548.864	0	25.548.864	34,7

Thù lao, chi phí của HĐQT và BKS

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và tình hình kinh doanh thực tế của SMC năm 2025, Công ty KHÔNG thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, Ban lãnh đạo, và Ban kiểm soát.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Phát triển bền vững

04

SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức trước những thay đổi về kinh tế chính trị trong và ngoài nước, nhằm gia tăng giá trị đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng, và đảm bảo mục tiêu phát triển chiến lược của chính doanh nghiệp. Trong đó, Công ty tập trung vào việc đầu tư phát triển các hoạt động kinh doanh sắt thép cốt lõi, thực hiện mục tiêu tăng trưởng vững chắc và hoạt động ổn định có hiệu quả trong trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu về xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Trải qua một chặng đường dài, đặc biệt vượt qua giai đoạn nhiều khó khăn và thách thức trong những năm gần đây, SMC đã từng bước củng cố lại nền tảng, quyết liệt tái cấu trúc và định hướng hoạt động hài hòa theo các nhóm lĩnh vực chính gồm Thương mại – Gia công – Mở rộng Giá trị Gia tăng, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường luôn được quan tâm, đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.



Chia sẻ cùng Xã Hội - Chung tay cùng Cộng Đồng

Trong suốt hành trình 38 năm hình thành và phát triển, SMC đã hòa nhịp cùng cộng đồng trong các hoạt động trao gửi yêu thương – sẽ chia hạnh phúc với rất nhiều các hoạt động thiện nguyện, dù miền ngược hay miền xuôi, dù mưa bão hay nắng cháy; chỉ cần SMC có thể – SMC sẽ thực hiện; với hy vọng rằng, những đóng góp nhỏ nhỏ phần nào đó sẽ giúp giảm bớt những khó khăn – thiếu thốn trong cuộc sống thường nhật, san sẻ một chút gánh nặng trong vật chất, là nguồn động lực cổ vũ và động viên tinh thần đến tất cả mọi người. Trong năm 2025, toàn bộ tập thể CBCNV SMC nói chung và cá nhân lãnh đạo Công ty nói riêng, hưởng ứng lời kêu gọi chung sức đồng lòng, đồng cam cộng khổ, đã có những đóng góp thiết thực chia sẻ với đồng bào miền Trung trong trận lũ lịch sử, đặc biệt là ở khu vực bà con vùng sâu vùng xa các tỉnh Bình Định và Phú Yên cũ. Đây là hoạt động thể hiện tinh thần trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, đặc biệt trong những thời điểm người dân cần sự chia sẻ nhất.

Trong thời gian tới, SMC sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội, công tác từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi Công ty có văn phòng, các nhà máy đang hoạt động.





Bảo vệ Môi trường

Thép là một ngành công nghiệp nặng, trong quá trình sản xuất đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do đó mỗi doanh nghiệp hoạt động trong ngành cần nâng cao ý thức và có những hành động tích cực nhằm đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường. Ý thức được vấn đề đó, SMC luôn đặc biệt quan tâm và nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và con người trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ gia công sản xuất thép hiện đại tiên tiến, sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu, kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo tối thiểu các tác động đến môi trường. Công ty cũng thường xuyên củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân viên, về bảo vệ môi trường, để có những cập nhật, phản ứng và cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cùng với việc tiếp tục duy trì và phát huy phương pháp 5S, SMC sẽ luôn phát huy các sáng kiến và ứng dụng cải tiến cho các hoạt động SXKD trong thời gian tới.

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, ít gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành.

- Về tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu/phế phẩm** – SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cùng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của Công ty là các đầu mẫu dây thép, cuộn thép, hoặc 2 biên của cuộn thép, xỉ kềm, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy tái chế nguyên liệu.

- Về nước và khí thải** – SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

- Về tiếng ồn và độ rung** – chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng về tiếng ồn và độ rung đến CBCNV làm việc trực tiếp và gián tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị trong dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

- Về tiêu hao điện năng, năng lượng** – tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng và nhiên liệu trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Trong quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng, đảm bảo đầy đủ ánh sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tối đa tiêu hao điện năng. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm tiêu hao năng lượng, nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.

Tăng trưởng bền vững – Gia tăng giá trị

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa tích cực trong hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển thị trường mới, và nhất là tăng cường tham gia tích cực hơn và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động sản xuất kinh doanh thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thép với 38 năm kinh nghiệm trong ngành, là doanh nghiệp thép nội địa có hệ thống Coil Center lớn và chất lượng ở Việt Nam. Đối mặt với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì hoạt động SXKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường, vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại giá trị và lợi ích lâu dài cho cổ đông và đối tác. Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.





CÔNG TY CON



CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần /vốn góp của Công ty: Không có
 Công ty có trên 50% vốn cổ phần /vốn góp chủ chốt do Công ty nắm giữ gồm:

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính: Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM

Vốn điều lệ: 230 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Thương mại xuất khẩu Thép các loại, gia công Thép các loại, khai thác nguyên vật liệu Thép các loại cho hoạt động sản xuất gia công của hệ thống

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2024	2025	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.388,4	569,7	-59,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(34,5)	11,6	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	586,5	401,2	-31,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	387,9	191,1	-50,7%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	198,5	210,1	+5,8%



CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính: KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM

Vốn điều lệ: 180 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Thương mại, gia công, xử lý thép cuộn cán nóng, cán ép, tẩy rỉ, mạ kẽm

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2024	2025	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.320,3	1.098,2	-52,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(62,8)	147,3	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	561,3	609,4	+8,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	495,1	395,7	-20,1%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	66,3	213,6	+222,2%





CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính: Lô 33, Đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo, TP. HCM

Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại, chuyên cung cấp và gia công xả băng, cắt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, thép mạ... với độ chính xác và chất lượng cao, cung cấp sản phẩm phục vụ trong lĩnh vực gia công Cơ khí, nội ngoại thất, công trình giao thông...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2024	2025	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.565,3	1.326,1	-15,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(68,1)	(75,8)	-11,3%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	568,2	479,5	-15,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	511,4	448,5	-12,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56,8	31,0	-45,4%



CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ

Trụ sở chính: Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM

Vốn điều lệ: 220 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Coil Center chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm được gia công, cắt chặt, chế biến từ thép, tạo ra các sản phẩm phụ trợ phục vụ cho các ngành xây dựng, giao thông, điện, điện tử, điện lạnh, và hàng gia dụng, nội thất...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2024	2025	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.350,0	1.166,9	-13,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,1	1,6	-23,8%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	758,0	686,0	-9,5%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	599,0	525,5	-12,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	159,0	160,5	+0,9%





CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ

Trụ sở chính: Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Phú Mỹ, TP. HCM

Vốn điều lệ: 375 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Tham gia vào chuỗi cung ứng trong lĩnh vực thép chuyên gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, rèn dập ép cán kim loại, định hình sản phẩm, cung cấp nguyên liệu cho khách hàng là các nhà sản xuất ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện gia dụng

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2024	2025	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	258,8	359,1	+38,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(23,8)	(4,8)	+79,8%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	418,6	401,1	-4,2%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	147,7	135,0	-8,6%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	270,9	266,1	-1,8%



CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

Trụ sở chính: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TP. HCM

Văn phòng đại diện: 396 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM

Vốn điều lệ: 176,2 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 75%

Hoạt động chính: Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép các loại

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2024	2025	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	998,2	547,5	-45,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(68,7)	69,7	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	431,2	210,7	-51,1%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	590,0	299,7	-49,2%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	(158,7)	(89,0)	+43,5%





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	85
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	88-89
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	90-93
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	94
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	95-96
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	97-155



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 24 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc bổ sung thêm người đại diện pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Tên tiếng anh: SMC Trading Investment Joint Stock Company

Tên viết tắt: SMC J.S.C

Mã chứng khoán: SMC

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng

Trụ sở chính: 124 - 126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tập đoàn được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT	Ngày 25/9/2025
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	Ngày 25/9/2025
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Kishimoto Hideki	Thành viên	
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên	Ngày 25/9/2025
Ông Nguyễn Ngọc Anh Duy	Thành viên	Ngày 25/9/2025
Ông Đặng Huy Hiệp	Cố vấn HĐQT	Ngày 07/01/2026
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	Ngày 31/12/2025
Ông Vũ Anh Nguyên	Thành viên	Ngày 31/12/2025
Ông Fujitsuka Masahiko	Thành viên	Ngày 22/5/2025
Ông Hứa Vũ	Thành viên	Ngày 22/5/2025

Ban Kiểm soát	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Võ Thị Tố Ngân	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên	
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên	
Bà Thái Thị Vân Anh	Thành viên	Ngày 25/9/2025
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	Ngày 25/9/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc	Ngày 07/01/2026
Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc	Ngày 07/01/2026
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 30/9/2025
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08/12/2025
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Ngày 25/3/2026
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông Phạm Hoàng Anh	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 15/10/2025 đến nay)
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc (từ ngày 22/01/2026 đến nay)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 14/10/2025)

4. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được chọn là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

Auditing And Informatic Services Company Limited



Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist. 3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) – Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn – Website: www.aisc.com.vn

SỐ: A0725358-HN/MOORE AISC-DN7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SMC** (gọi tắt là "Công ty") và **các công ty Con** (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026, từ trang 90 đến trang 155, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC** và **các công ty Con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo về: Như đã được chú thích tại mục X.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn và các công ty thành viên trong Group Novaland (gọi tắt là "Group Novaland") đã tiến hành ký kết các biên bản xác nhận công nợ và thỏa thuận thanh toán/thỏa thuận cản trừ tài sản. Vào ngày 30/01/2026, Tập đoàn và Group Novaland đã ký kết các văn bản thỏa thuận nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản phải thu của Tập đoàn. Các giao dịch này phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm cung cấp thêm bằng chứng về các sự việc đã tồn tại trong năm tài chính cần phải điều chỉnh trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã rà soát, đánh giá lại khả năng thu hồi và điều chỉnh mức trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số X.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn bị âm 75.435.484.367 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 687.794.683.183 VND. Những yếu tố này làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Tập đoàn trong tương lai. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm những điều chỉnh (nếu có) phát sinh từ sự kiện nêu trên.

Các vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán
và Dịch vụ Tin học Moore AISC**



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Phó Tổng Giám Đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0111-2023-005-1

HÀ QUẾ NGA

Kiểm Toán Viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2801-2024-005-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.692.183.784.828	3.086.659.368.507
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	135.320.970.073	143.281.861.697
1. Tiền	111		121.320.970.073	45.781.861.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	97.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	491.810.246.575	505.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		491.810.246.575	505.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.432.902.187.307	1.546.619.776.587
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.490.305.960.782	1.773.566.850.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	39.337.877.635	99.531.539.093
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	82.431.657.935	24.989.633.515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(179.173.309.045)	(351.468.246.627)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	411.191.502.074	627.737.119.083
1. Hàng tồn kho	141		421.035.091.186	646.418.393.324
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.843.589.112)	(18.681.274.241)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		220.958.878.799	264.020.611.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	1.587.434.201	3.499.617.490
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		217.470.688.476	258.205.950.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a	1.900.756.122	2.315.042.693
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.761.526.090.684	1.691.523.179.758
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		147.767.623.037	34.436.749.274
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	3.609.704.278	3.609.704.278
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	115.601.883.363	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	32.165.739.674	34.436.749.274
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.3b	(3.609.704.278)	(3.609.704.278)
II. Tài sản cố định	220		865.924.046.801	1.206.287.530.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	543.176.637.739	829.878.313.043
- Nguyên giá	222		941.788.536.087	1.648.080.617.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(398.611.898.348)	(818.202.304.218)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	219.494.561.238	272.626.440.993
- Nguyên giá	225		298.518.300.447	339.831.675.532
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(79.023.739.209)	(67.205.234.539)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	103.252.847.824	103.782.776.197
- Nguyên giá	228		112.535.841.108	112.535.841.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.282.993.284)	(8.753.064.911)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	6.114.434.051	6.477.667.757
- Nguyên giá	231		9.080.842.650	9.080.842.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.966.408.599)	(2.603.174.893)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		316.636.644.671	609.942.693
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	316.636.644.671	609.942.693
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	219.545.039.381	217.729.225.291
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		111.033.792.090	114.644.689.356
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		157.147.500.000	157.147.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.636.252.709)	(60.062.964.065)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.000.000.000	6.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		205.538.302.743	225.982.064.510
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	205.167.671.573	222.929.854.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14a	370.631.170	3.052.210.422
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.453.709.875.512	4.778.182.548.265



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.446.311.744.457	3.968.338.535.252
I. Nợ ngắn hạn	310		3.379.978.468.011	3.709.283.937.976
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	1.196.979.090.326	1.420.521.537.782
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	52.937.464.969	59.134.256.148
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17b	97.666.153.151	29.913.393.486
4. Phải trả người lao động	314		4.705.897.001	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	8.834.792.827	8.992.769.459
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	1.343.251.180	351.120.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	1.451.811.038	10.829.802.632
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	2.013.341.949.560	2.173.481.234.090
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.718.057.959	6.059.824.379
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		66.333.276.446	259.054.597.276
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	105.160.296	210.320.598
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21bcd	35.857.957.129	217.074.064.253
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14b	30.370.159.021	41.770.212.425
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.007.398.131.055	809.844.013.013
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.007.398.131.055	809.844.013.013
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		736.785.870.000	736.785.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		736.785.870.000	736.785.870.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		253.132.567.160	253.132.567.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(717.500.000)	(717.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.491.849.938	(139.625.294.642)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(139.625.294.642)	(168.865.083.788)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		180.117.144.580	29.239.789.146
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(22.294.656.043)	(39.731.629.505)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.453.709.875.512	4.778.182.548.265

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Trung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025	2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.011.877.340.158	8.931.097.877.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.577.845.896	1.303.065.988
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	7.010.299.494.262	8.929.794.811.796
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.008.942.041.488	8.924.084.713.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.357.452.774	5.710.098.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.538.504.102	241.891.587.232
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	145.642.253.042	234.174.123.816
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		148.362.861.686	176.410.865.717
8. Phần lãi (hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.090.942.598)	(5.006.037.227)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	68.864.437.874	91.911.028.525
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	(86.683.774.841)	(95.466.546.960)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ) (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(101.017.901.797)	11.977.042.638
12. Thu nhập khác	31	VI.6	418.888.295.118	98.178.473.924
13. Chi phí khác	32	VI.7	69.251.383.484	62.480.441.375
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		349.636.911.634	35.698.032.549
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		248.619.009.837	47.675.075.187
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	59.783.365.947	24.584.290.104
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(8.718.474.152)	11.016.612.119
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		197.554.118.042	12.074.172.964
Cổ đông của Công ty mẹ	61		180.117.144.580	29.239.789.146
Cổ đông không kiểm soát	62		17.436.973.462	(17.165.616.182)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.447	397
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.223	397

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025	2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		248.619.009.837	47.675.075.187
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-11	89.937.750.943	111.624.309.490
- Các khoản dự phòng	03	VI.2,4,5b	(178.454.070.400)	(145.382.019.276)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(451.034.762)	1.781.629.328
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(415.866.992.434)	(341.855.479.037)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	148.462.861.682	177.408.845.519
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(107.752.475.134)	(148.747.638.789)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		149.378.398.468	268.735.168.208
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		416.086.614.070	208.386.354.976
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(371.976.091.301)	(801.428.604.425)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		19.674.365.804	147.823.261.288
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(149.693.754.993)	(182.484.460.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17b	(27.810.774.861)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.341.766.420)	(359.518.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.435.484.367)	(508.075.438.005)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.084.942.668)	(4.683.953.942)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		380.827.732.560	287.410.103.840
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(665.860.246.575)	(545.170.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		673.303.462.500	524.656.095.890
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	109.719.952.397
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.584.991.506	238.362.386.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		408.770.997.323	610.294.584.668



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025	2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	5.530.043.920.591	7.755.826.400.838
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(5.816.685.386.207)	(8.328.601.751.753)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(54.701.184.303)	(55.983.112.665)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(341.342.649.919)	(628.758.463.580)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(8.007.136.963)	(526.539.316.917)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		143.281.861.697	669.710.791.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		46.245.339	110.387.288
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	135.320.970.073	143.281.861.697

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

Tp. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 24 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc bổ sung thêm người đại diện pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Trụ sở chính: 124 - 126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2025, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm, chịu ảnh hưởng bởi lạm phát kéo dài tại các nền kinh tế lớn, các xung đột địa chính trị và sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu. Thị trường thép quốc tế và trong nước tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh do nhu cầu tiêu thụ suy giảm và sự gia tăng nguồn cung thép giá thấp, đặc biệt từ Trung Quốc, dẫn đến mặt bằng giá thép giảm so với các năm trước. Các yếu tố này đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn, thể hiện qua việc doanh thu và hiệu quả hoạt động trong năm 2025 giảm so với năm trước.

Trước bối cảnh thị trường chưa có nhiều cải thiện, Tập đoàn tiếp tục triển khai các biện pháp tái cơ cấu và kiểm soát chi phí đã được thực hiện từ các năm trước, bao gồm việc điều chỉnh quy mô hoạt động và thay đổi một số nhân sự quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm phù hợp với điều kiện thị trường. Trong năm 2025, ngoài kết quả từ hoạt động kinh doanh chính, Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thu nhập phát sinh từ việc thanh lý, chuyển nhượng tài sản và xử lý công nợ, qua đó góp phần vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 450 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 606 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các công ty Con:

Tập đoàn có mười (10) công ty Con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có mười (10) công ty Con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC (i) Trụ sở hoạt động: Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC Trụ sở hoạt động: Đường số 5, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC (ii) Trụ sở hoạt động: KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước Trụ sở hoạt động: 124 - 126 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng (iii) Trụ sở hoạt động: Số 359 đường 29/3, Phường Hòa Xuân, Tp. Đà Nẵng.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo (iv) Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo, Tp. Hồ Chí Minh.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, phường Tân Phước, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, phường Tân Phước, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thiết bị - Tự động SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường số 9, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO (v) Trụ sở hoạt động: Đường 1A, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75%	75%	75%

(i) Công ty TNHH Thép SMC ("Thép SMC") đã chấm dứt hoạt động đầu tư dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm sắt thép" theo Nghị quyết số 487/2025/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025 của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Công ty và Công văn số 6042/TB-BQL ngày 15/12/2025 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC ("Cơ khí Thép SMC") đã chấm dứt hoạt động đầu tư dự án "Nhà máy Cơ khí - Thép SMC" theo Nghị quyết số 487/2025/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025 của HĐQT Công ty và Thông báo số 6598/TB-BQL ngày 23/12/2025 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 05/01/2026, Cơ khí Thép SMC đã chính thức bàn giao lại toàn bộ đất thuê cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ I tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Công ty IZICO) và Cơ khí Thép SMC đang thực hiện các thủ tục thay đổi địa chỉ kinh doanh về địa chỉ số 09, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Tp.HCM theo Nghị quyết số 488/2025/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025 của HĐQT Công ty.

(iii) Theo Nghị quyết số 173/2025/NQ-HĐQT ngày 28/5/2025, Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng nhằm tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, công ty Con này vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể.

(iv) Theo Nghị quyết số 530/2025/NQ-HĐQT ngày 17/12/2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thống nhất thông qua việc cấp vốn bổ sung cho Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo ("SMC Tân Tạo") bằng nguồn vốn cho vay với số tiền là 50.000.000.000 VND. SMC Tân Tạo đã đạt giấy chứng nhận kinh doanh tăng vốn vào ngày 29/01/2026.

(v) Theo Biên bản họp Hội đồng Thành viên số 10/2025/BBH-HĐTV và Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐTV ngày 28/02/2025 của Công ty TNHH LD Ống Thép Sendo ("Sendo"), Sendo đã tiến hành đã thực hiện thanh lý nhiều tài sản cố định, với giá trị thanh lý chiếm khoảng 87,45% tổng giá trị tài sản cố định hiện có của Sendo. Dẫn đến, kết quả kinh doanh của Sendo có lãi từ việc thanh lý TSCĐ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3. Danh sách các công ty Liên kết, Liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có ba (03) công ty Liên kết, Liên doanh, cụ thể như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC - Summit	50%	50%	50%
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	35%	35%	35%
Công ty TNHH SMC - Toami	25%	25%	25%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

9. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Trên cơ sở các biên bản xác nhận công nợ và văn bản thỏa thuận về việc cam kết thanh toán giữa Tập đoàn và Công ty CP Novagroup cùng các công ty thành viên (gọi tắt là "Group Novaland"), trong năm 2025 Tập đoàn và Group Novaland đã ký kết các hợp đồng mua bán bất động sản để cản trừ một phần công nợ phải thu của Tập đoàn đối với Group Novaland. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận tăng tài sản chờ bàn giao (tài khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Thuyết minh V.12) với giá trị 316.165.533.560 VND và phân loại sang tài khoản trả trước cho người bán (Thuyết minh V.4b) nhằm phản ánh việc mua/thuê dài hạn bất động sản với giá trị 115.601.883.363 VND từ việc thực hiện cản trừ công nợ phải thu từ Group Novaland.

Bên cạnh đó, trong khuôn khổ việc tái cơ cấu hoạt động theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, một số công ty Con của Tập đoàn đã thực hiện thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định và ghi nhận lãi từ các giao dịch này là 386.742.635.335 VND.

10. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016 ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2025.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2025.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các khoản đầu tư tài chính (tt)

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tập đoàn chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: theo thông tư quy định;
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho (tt)

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định (TSCĐ)

7.1. TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2. TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (trước 01/07/2004) mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3. TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09 năm
Tài sản cố định thuê tài chính	06 - 15 năm
Chương trình phần mềm	02 - 20 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng	25 năm
---------------	--------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng với tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán trong trường hợp Tập đoàn đã giao hàng hóa cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

14. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

15. Các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

17. Trái phiếu

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội được áp dụng theo phương pháp đường thẳng.

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu (tt)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

20. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn).

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các lương nhân viên bộ phận bán hàng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, hoa hồng bán hàng, đóng gói, vận chuyển,...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế suất Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu

nhập hiện hành phải nộp; và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế: đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai nên Tập đoàn đã không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Tập đoàn là 20%, riêng Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ và Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ là được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án đầu tư mới liên quan đến sản xuất thép cao cấp, thép hợp kim như sau: thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm kể từ khi có doanh thu; miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tính từ năm đầu tiên công ty này có phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

27. Các bên liên quan

Theo Chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết");

(ii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(iv) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (ii) hoặc trường hợp (iii) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

28. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	121.320.970.073	45.781.861.697
Tiền mặt	396.275.246	823.704.620
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	120.924.694.827	44.958.157.077
Các khoản tương đương tiền	14.000.000.000	97.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (lãi suất từ 1,9% - 2,4%/ năm) (*)	14.000.000.000	97.500.000.000
Cộng	135.320.970.073	143.281.861.697

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được sử dụng để cầm cố nhằm đảm bảo một phần cho các khoản vay tại các ngân hàng; Xem thuyết minh V.21.

2. Các khoản đầu tư tài chính: (Xem trang 146-147).

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.490.305.960.782	(173.031.255.400)	1.773.566.850.606	(346.821.914.616)
Khách hàng trong nước (i)	1.481.948.977.964	(167.198.442.673)	1.761.097.517.184	(346.821.914.616)
Công ty TNHH SX TM Cơ khí Hiếu Hạnh	34.998.120.747	(11.939.012.651)	69.793.934.397	(10.061.636.856)
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	440.796.852.909	-	440.796.852.909	(125.498.724.253)
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	10.758.647.590	-	169.260.183.239	(1.452.837.284)
Công ty TNHH The Forest City	5.007.844.544	(258.311.184)	131.505.957.524	(182.008.631)
Công ty CP Thép Nam Sơn (ii)	285.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Tôn Thép Kokoro	95.946.822.757	-	21.696.454.854	-
Phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	8.239.974.581	-	22.479.485.274	-
Các khách hàng khác	601.200.714.836	(155.001.118.838)	905.564.648.987	(209.626.707.592)
Khách hàng nước ngoài (493,815.43 USD)	8.356.982.818	(5.832.812.727)	12.469.333.422	-
Eoun Steel Co., Ltd.	8.332.589.610	(5.832.812.727)	8.332.589.610	-
Các khách hàng khác	24.393.208	-	4.136.743.812	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

3. Phải thu của khách hàng (tt)	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	3.609.704.278	(3.609.704.278)	3.609.704.278	(3.609.704.278)
Khách hàng trong nước	3.609.704.278	(3.609.704.278)	3.609.704.278	(3.609.704.278)
Khách hàng khác	3.609.704.278	(3.609.704.278)	3.609.704.278	(3.609.704.278)
Cộng (iii)	1.493.915.665.060	(176.640.959.678)	1.777.176.554.884	(350.431.618.894)

(i) Trong đó, bao gồm số dư phải thu khách hàng trong nước có gốc ngoại tệ là 35,997.54 USD tương đương 939.895.769 VND.

(ii) Khoản tiền phải thu từ Công ty CP Thép Nam Sơn sẽ được dùng để thanh toán cho các khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.21 - Vay và nợ thuê tài chính).

(iii) Trong đó, bao gồm sự thay đổi của số dư phải thu và dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu từ các đơn vị thuộc Group Novaland chủ yếu đến từ việc cần trừ công nợ và đánh giá lại khả năng thu hồi các khoản phải thu này theo các thỏa thuận đã ký kết. Chi tiết được đề cập tại Thuyết minh I.9 và X.2.

4. Trả trước cho người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	39.337.877.635	(6.142.053.645)	99.531.539.093	(4.646.332.011)
Nhà cung cấp trong nước	16.381.217.114	(6.142.053.645)	99.127.355.027	(4.646.332.011)
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	12.000.000.000	(5.859.236.835)	12.000.000.000	(4.420.215.201)
Công ty TNHH Tôn Thép Kokoro	-	-	75.168.102.027	-
Các đối tượng khác	4.381.217.114	(282.816.810)	11.959.253.000	(226.116.810)
Nhà cung cấp nước ngoài (872,237.9 USD)	22.956.660.521	-	404.184.066	-
China Steel Global Trading Corporation	21.491.815.216	-	-	-
Các đối tượng khác	1.464.845.305	-	404.184.066	-
b. Dài hạn	115.601.883.363	-	-	-
Công ty CP Novareal (*)	115.601.883.363	-	-	-
Cộng	154.939.760.998	(6.142.053.645)	99.531.539.093	(4.646.332.011)

(*) Khoản trả trước đến Công ty CP Novareal (liên quan đến việc mua bất động sản) xuất phát từ việc cần trừ công nợ theo các thỏa thuận thanh toán theo chỉ định. Các tài liệu có liên quan đến khoản trả trước này đang được sử dụng làm tài sản thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay của Tập đoàn tại thời điểm cuối năm (thuyết minh V.21).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	82.431.657.935	-	24.989.633.515	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	4.067.408.935	-	4.404.594.286	-
Phải thu về khoản chiết khấu được hưởng	8.847.923.216	-	3.966.727.715	-
Thuế GTGT thuê tài chính chờ kết chuyển	5.990.734.932	-	9.931.631.762	-
Thuế GTGT để nghị hoàn	11.884.279.495	-	5.846.735.688	-
Các khoản tạm ứng (i)	49.723.000.000	-	501.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	317.748.000	-	6.600.000	-
Phải thu khác	1.600.563.357	-	331.844.064	-
b. Dài hạn	32.165.739.674	-	34.436.749.274	-
Ký quỹ thuê tài chính	32.145.739.674	-	33.906.749.274	-
Các khoản ký quỹ khác	20.000.000	-	530.000.000	-
Cộng (ii)	114.597.397.609	-	59.426.382.789	-

(i) Trong đó, bao gồm khoản tiền tạm ứng công việc cho Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan (Cựu Chủ tịch HĐQT Tập đoàn) bằng tiền mặt là 49,6 tỷ VND. Tập đoàn đã thu hồi toàn bộ số dư tạm ứng này vào ngày 20/3/2026.

(ii) Trong đó, bao gồm khoản ký quỹ thuê tài chính có gốc ngoại tệ là 588,000.00 USD tương đương 15.333.276.000 VND.

6. Nợ xấu: (Xem trang 148-150).

7. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.872.037.633	-
Nguyên liệu, vật liệu	131.484.115.025	(2.503.230.953)	273.148.343.697	(3.392.511.084)
Công cụ, dụng cụ	19.172.569.439	-	31.750.067.043	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	812.362.410	-	1.322.497.781	-
Thành phẩm	75.874.613.204	(2.022.832.223)	168.152.361.406	(9.401.286.121)
Hàng hoá	193.691.431.108	(5.317.525.936)	168.173.085.764	(5.887.477.036)
Cộng	421.035.091.186	(9.843.589.112)	646.418.393.324	(18.681.274.241)

- Giá trị hàng tồn kho kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay phải trả tại thời điểm cuối năm: xem thuyết minh số "V.21 - Vay và nợ thuê tài chính".

- Lý do dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số mặt hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc."

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

8. Tài sản cố định hữu hình: (Xem trang 151).

9. Tài sản cố định thuê tài chính	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Khoản mục			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	338.277.130.077	1.554.545.455	339.831.675.532
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.313.375.085)	-	(41.313.375.085)
Số dư cuối năm	296.963.754.992	1.554.545.455	298.518.300.447
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	66.384.779.994	820.454.545	67.205.234.539
Khấu hao trong năm	22.247.440.260	259.090.909	22.506.531.169
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.688.026.499)	-	(10.688.026.499)
Số dư cuối năm	77.944.193.755	1.079.545.454	79.023.739.209
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	271.892.350.083	734.090.910	272.626.440.993
Số dư cuối năm	219.019.561.237	475.000.001	219.494.561.238

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê (Cơ sở hạ tầng) (*)

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	9.080.842.650	-	-	9.080.842.650
Giá trị hao mòn lũy kế	2.603.174.893	363.233.706	-	2.966.408.599
Giá trị còn lại	6.477.667.757			6.114.434.051

(*) Mặt bằng kinh doanh thương mại tầng 2 - Dự án Linh Tây Tower, diện tích 616,2 m2. Hiện tại, bất động sản này đang tìm kiếm khách hàng cho thuê.

Tập đoàn tin tưởng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 cao hơn giá trị ghi sổ, nên vẫn ghi nhận bất động sản đầu tư theo giá trị ghi sổ mà chưa ghi nhận theo giá trị hợp lý.

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	100.668.929.767	11.866.911.341	112.535.841.108
Mua trong năm	-	309.942.693	309.942.693
Giảm khác	-	(309.942.693)	(309.942.693)
Số dư cuối năm	100.668.929.767	11.866.911.341	112.535.841.108
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	8.753.064.911	8.753.064.911
Khấu hao trong năm	-	558.985.500	558.985.500
Giảm khác	-	(29.057.127)	(29.057.127)
Số dư cuối năm	-	9.282.993.284	9.282.993.284
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	100.668.929.767	3.113.846.430	103.782.776.197
Số dư cuối năm	100.668.929.767	2.583.918.057	103.252.847.824

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay: 100.668.929.767 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.992.013.816 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí mua bất động sản		
- Giá gốc bất động sản (*)	316.165.533.560	-
- Chi phí thẩm định giá	171.111.111	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	300.000.000	609.942.693
Cộng	316.636.644.671	609.942.693

(*) Giá gốc bất động sản tương ứng khoảng 95% giá trị căn hộ của các dự án bất động sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thành phố Aqua, Công ty TNHH BĐS Đà Lạt Valley, Công ty CP Địa ốc Ngân Hiệp và Công ty TNHH The Forest City (gọi chung là "Bên bán") theo các hợp đồng mua bán nhà ở đã ký kết giữa Tập đoàn và Bên bán. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức cầm giữ với các khoản công nợ phải thu của Tập đoàn với Bên bán.

Trong số dư này, đang bao gồm các hợp đồng mà Tập đoàn đã ký với Công ty TNHH Thành phố Aqua, Công ty TNHH BĐS Đà Lạt Valley và Công ty CP Địa ốc Ngân Hiệp (gọi chung là "Bên A") với tổng giá gốc bất động sản là 201.017.330.140 VND có đính kèm thỏa thuận quyền chọn. Theo đó, chậm nhất đến hết ngày 10/3/2027 và ngày 18/11/2027 ("Ngày xác định"), Bên A được quyền lựa chọn một trong hai phương án như sau ("Quyền chọn"):

(a) Chấm dứt và thanh lý hợp đồng mua bán ("Phương án 1"); hoặc

(b) Bên A chỉ định bên thứ ba (cá nhân hoặc tổ chức) nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán từ Tập đoàn ("Phương án 2").

Đối với 2 phương án này, Bên A hoặc bên thứ ba do Bên A chỉ định sẽ hoàn trả lại cho Tập đoàn toàn bộ số tiền mà Tập đoàn đã thanh toán cho giá bán bất động sản theo các hợp đồng mua bán (bao gồm cả khoản thuế giá trị gia tăng và các khoản tiền thanh toán theo phương thức bù trừ công nợ giữa Bên A và Tập đoàn hoặc Tập đoàn chỉ định bên thứ ba thanh toán cho Bên A thay cho Tập đoàn phù hợp với thỏa thuận hai bên nhưng không bao gồm kinh phí bảo trì (nếu có)).

Trường hợp đến hết Ngày xác định mà Bên A không gửi Thông báo Quyền chọn cho Tập đoàn thì Bên A mất Quyền chọn, Tập đoàn được toàn quyền theo hợp đồng mua bán, định đoạt tài sản hoặc chuyển nhượng hợp đồng mua bán cho bên thứ ba do Tập đoàn chỉ định. Theo đó, Bên A và Tập đoàn có trách nhiệm phối hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật, hợp đồng mua bán và thủ tục của Bên A.

Trong trường hợp Tập đoàn vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào của Tập đoàn theo các thỏa thuận này (mà không phải do lỗi Bên A), bao gồm nhưng không giới hạn việc Tập đoàn không thực hiện đúng phương án mà Bên A lựa chọn theo quy định của thỏa thuận và Tập đoàn không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo vi phạm cho Tập đoàn thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt các thỏa thuận này bằng cách gửi văn bản cho Tập đoàn. Theo đó, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A gửi thông báo chấm dứt thỏa thuận theo điều 4 của thỏa thuận, Tập đoàn có nghĩa vụ:

- Thanh toán cho Bên A một khoản tiền tương đương với số tiền mà Tập đoàn đã thanh toán cho giá bán bất động sản theo các hợp đồng mua bán; và

- Thanh toán cho Bên A một khoản tiền bằng với khoản chênh lệch giữa (i) giá bán bất động sản theo bảng giá niêm yết của Bên A tại thời điểm Bên A gửi thông báo chấm dứt thỏa thuận và (ii) giá bán bất động sản.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

13. Chi phí trả trước	31/12/2025	01/01/2025
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.587.434.201	3.499.617.490
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	251.803.144	1.337.939.259
Chi phí chờ phân bổ khác	1.335.631.057	2.161.678.231
b. Chi phí trả trước dài hạn	205.167.671.573	222.929.854.088
Tiền thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	190.845.147.739	198.855.720.289
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.649.243.449	10.097.823.912
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.155.782.355	3.198.893.056
Chi phí chờ phân bổ khác	6.517.498.030	10.777.416.831
Cộng	206.755.105.774	226.429.471.578

(*) Bao gồm:	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	35.377.470.268	36.792.569.079
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	1.325.382.977
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	155.467.677.471	160.737.768.233
Cộng	190.845.147.739	198.855.720.289

(i) Khoản chi phí thuê đất và chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất này đang là tài sản thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số "V.21 - Vay và nợ thuê tài chính").

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2025	01/01/2025
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.621.963.489
Chi phí khấu hao	349.599.110	345.296.159
Chi phí thuê nhà xưởng	21.032.060	131.552.739
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	(46.601.965)
Cộng	370.631.170	3.052.210.422
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế như sau:		
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	30.370.159.021	41.770.212.425
Cộng	30.370.159.021	41.770.212.425



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	1.144.827.596.353	1.144.827.596.353	1.354.753.247.685	1.354.753.247.685
Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	604.205.202.593	604.205.202.593	660.025.008.995	660.025.008.995
Công ty TNHH Marubeni- Itochu Steel Việt Nam	-	-	79.782.105.997	79.782.105.997
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	129.616.238.757	129.616.238.757	128.927.263.381	128.927.263.381
Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam	62.932.309.213	62.932.309.213	58.630.964.962	58.630.964.962
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	115.756.684.761	115.756.684.761	186.381.289.794	186.381.289.794
Các đối tượng khác	232.317.161.029	232.317.161.029	241.006.614.556	241.006.614.556
Nhà cung cấp nước ngoài (1,978,797.16 USD)	52.151.493.973	52.151.493.973	65.768.290.097	65.768.290.097
Singapore (Cogeneration Steel Pte. Ltd.	-	-	25.611.228.306	25.611.228.306
Samsung C&T Corporation	-	-	27.088.521.205	27.088.521.205
Hyundai Corporation	51.798.015.796	51.798.015.796	-	-
Các đối tượng khác	353.478.177	353.478.177	13.068.540.586	13.068.540.586
Cộng	1.196.979.090.326	1.196.979.090.326	1.420.521.537.782	1.420.521.537.782

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Khách hàng trong nước	50.777.529.677	50.777.529.677	54.039.689.824	54.039.689.824
Công ty CP Đầu tư Địa ốc No Va	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Cơ điện Rotong Việt Nam	3.083.087.977	3.083.087.977	-	-
Các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	-	-	92.000.000	92.000.000
Các đối tượng khác	7.694.441.700	7.694.441.700	13.947.689.824	13.947.689.824
Khách hàng nước ngoài (82,373.16 USD)	2.159.935.292	2.159.935.292	5.094.566.324	5.094.566.324
Padma Chitta Jnana Pte.Ltd	1.311.812.198	1.311.812.198	-	-
Các khách hàng khác	848.123.094	848.123.094	5.094.566.324	5.094.566.324
Cộng	52.937.464.969	52.937.464.969	59.134.256.148	59.134.256.148

17. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn	28.987.259	-	-	28.987.259
Thuế TNDN nộp thừa	1.416.059.861	-	-	1.416.059.861
Thuế TNCN nộp thừa	869.995.573	460.508.113	46.221.542	455.709.002
Cộng	2.315.042.693	460.508.113	46.221.542	1.900.756.122

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	31.989.636.158	4.821.712.606	27.167.923.552
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	12.673.191.165	12.673.191.165	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.409.631.719	59.783.365.947	27.810.774.861	61.382.222.805
Thuế thu nhập cá nhân	114.872.879	1.473.066.000	1.433.506.706	154.432.173
Thuế nhập khẩu	-	867.140.427	867.140.427	-
Các loại thuế khác	388.888.888	9.336.321.109	763.635.376	8.961.574.621
Cộng	29.913.393.486	116.122.720.806	48.369.961.141	97.666.153.151

18. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí lãi vay, thuê tài chính còn phải trả	2.359.342.771	3.265.379.603
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	1.517.827.397	1.466.658.220
Chi phí ước tính chậm nộp thuế	2.352.026.748	-
Thù lao HĐQT phải trả	2.260.505.110	2.260.505.110
Chi phí còn phải trả khác	345.090.801	2.000.226.526
Cộng	8.834.792.827	8.992.769.459

19. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	1.343.251.180	351.120.000
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa	726.551.180	-
Doanh thu nhận trước từ việc cung cấp dịch vụ	616.700.000	351.120.000
b. Dài hạn	105.160.296	210.320.598
Doanh thu nhận trước từ việc cung cấp dịch vụ	105.160.296	210.320.598
Cộng	1.448.411.476	561.440.598

20. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	412.207.500	8.448.000
Phải trả các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	-	9.978.273.830
Các khoản phải trả khác	1.039.603.538	843.080.802
Cộng	1.451.811.038	10.829.802.632



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.013.341.949.560	2.013.341.949.560	2.173.481.234.090	2.173.481.234.090
(1) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.123.125.845.840	1.123.125.845.840	1.264.911.738.453	1.264.911.738.453
(1) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	199.868.490.250	199.868.490.250	195.890.841.222	195.890.841.222
(1) Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM	49.982.711.040	49.982.711.040	-	-
(1) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	344.671.193.073	344.671.193.073	405.010.647.527	405.010.647.527
(1) Ngân hàng TMCP Tiên Phong	17.897.945.501	17.897.945.501	14.942.387.118	14.942.387.118
(1) Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	112.000.000.000	112.000.000.000
(2) Vay cá nhân	99.000.000.000	99.000.000.000	98.870.000.000	98.870.000.000
- Bên liên quan	9.000.000.000	9.000.000.000	24.800.000.000	24.800.000.000
(xem thuyết minh tại X.3)				
- Các cá nhân khác	90.000.000.000	90.000.000.000	74.070.000.000	74.070.000.000
Vay doanh nghiệp	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	178.795.763.856	178.795.763.856	78.855.619.770	78.855.619.770
b. Vay dài hạn	-	-	18.640.638.750	18.640.638.750
(3) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	18.640.638.750	18.640.638.750	43.494.823.750	43.494.823.750
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(18.640.638.750)	(18.640.638.750)	(24.854.185.000)	(24.854.185.000)
c. Nợ thuê tài chính dài hạn	35.857.957.129	35.857.957.129	85.158.425.516	85.158.425.516
(4) Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease	761.862.400	761.862.400	9.642.346.867	9.642.346.867
(5) Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	26.112.636.464	26.112.636.464	40.609.230.536	40.609.230.536
(6) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	55.763.583.388	55.763.583.388	88.908.282.883	88.908.282.883
Nợ dài hạn đến hạn trả	(46.780.125.123)	(46.780.125.123)	(54.001.434.770)	(54.001.434.770)
d. Trái phiếu (theo mệnh giá)	-	-	113.274.999.987	113.274.999.987
(7) Bên liên quan	113.450.000.000	113.450.000.000	113.450.000.000	113.450.000.000
(xem thuyết minh tại X.3)				
Chi phí phát hành trái phiếu	(75.000.017)	(75.000.017)	(175.000.013)	(175.000.013)
Nợ trái phiếu đến hạn trả	(113.374.999.983)	(113.374.999.983)	-	-
Cộng	2.049.199.906.689	2.049.199.906.689	2.390.555.298.343	2.390.555.298.343

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

a. Ngắn hạn

Tất cả các khoản vay ngân hàng nêu trên có lãi suất vay dao động từ 6,3% - 8,5%/năm.

(1) Tại ngày 31/12/2025, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Tài sản hình thành từ vốn vay;
- 10.478.500 cổ phiếu HBC của Công ty đang sở hữu;
- Một số khoản phải thu; các văn bản thỏa thuận và hợp đồng mua bán bất động sản giữa Tập đoàn và Group Novaland;
- Một số hàng tồn kho luân chuyển;
- Hợp đồng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong đó bao gồm các tài sản do Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận đầu tư xây dựng tại dự án NovaWorld Phan Thiết;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan;
- Quyền tài sản đối với phần vốn góp vào Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV Cơ khí thép SMC, Công ty TNHH MTV Thương mại SMC, Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo, Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo, Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ;
- Một số hợp đồng tiền gửi;
- Một số máy móc, thiết bị;
- Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại KCN Phú Mỹ II và toàn bộ công trình trên đất thuê;
- Quyền phát sinh, công trình xây dựng trên đất theo hợp đồng thuê lại đất giữa Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ I và Công ty TNHH Thiết bị - Tự động SMC Phú Mỹ;

Trong đó, một số tài sản đã được Vietinbank - Chi nhánh TP.HCM đồng ý về một chủ trương việc giải chấp tài sản là bất động sản và máy móc thiết bị để Công ty TNHH Thép SMC và Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC (gọi tắt là "Nhóm SMC") tiến hành thanh lý và Vietinbank - Chi nhánh TP.HCM sẽ kiểm soát toàn bộ dòng tiền thu trong suốt quá trình chuyển nhượng này. Nhóm SMC sẽ dùng toàn bộ nguồn thu từ việc bán tài sản này để thanh toán các nghĩa vụ nợ hiện hữu của Nhóm SMC tại Vietinbank - Chi nhánh TP.HCM.

(2) Khoản vay Cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động theo hình thức tín chấp; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay là 6%/năm. Tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

b. Vay dài hạn

(3) Tại ngày 31/12/2025, các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại KCN Phú Mỹ II và toàn bộ công trình trên đất thuê.

c. Nợ thuê tài chính dài hạn

Tất cả các khoản nợ thuê tài chính có lãi suất thuê tại 31/12/2025 dao động từ 5,18% - 7,5%/năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời gian thuê	Số dư nợ thuê tại 31/12/2025	Nợ thuê tài chính đến hạn trả
(4) Nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease				
C210139202 ngày 29/01/2021	Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại	60 tháng	34.122.400 VND	34.122.400 VND
B210445801 ngày 28/4/2021	Xe ô tô tải hiệu Hino	60 tháng	256.500.000 VND	256.500.000 VND
C220714302 ngày 29/9/2022	Máy kiểm tra đặc tính cơ lý của vật liệu đồng	60 tháng	471.240.000 VND	282.744.000 VND
(5) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam				
82.20.13/CTTC ngày 09/12/2020	Dây chuyền tẩy gỉ 850mm	60 tháng	1.237.689.930 VND	1.237.689.930 VND
54.22.05/CTTC ngày 04/4/2022	Dây chuyền xả băng 0.3-3.0X850mm	60 tháng	1.925.427.600 VND	962.713.788 VND
54.22.06/CTTC ngày 26/12/2022	Cầu trục dầm đôi 15Tx22,5/22,7m	60 tháng	1.245.921.516 VND	622.960.764 VND
82.22.02/CTTC ngày 26/4/2022	Dây chuyền ép - chấn - dập liên hoàn	72 tháng	21.703.597.418 VND	9.301.541.736 VND

21. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời gian thuê	Số dư nợ thuê tại 31/12/2025	Nợ thuê tài chính đến hạn trả
(6) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:				
2021-00035-000 ngày 17/5/2021	Dây chuyền cắt	60 tháng	5.020.520.205 VND	5.020.520.205 VND
2021-00037-000 ngày 17/5/2021	Dây chuyền cắt	60 tháng	2.200.744.507 VND	1.553.466.744 VND
2021-00120-000 ngày 29/7/2021	Dây chuyền máy đột dập	60 tháng	1,012,274.03 USD tương đương 26.700.752.089 VND	674,849.4 USD tương đương 17.800.502.624 VND
2022-00253-000 ngày 18/10/2022	Bồn hệ thống Máy cán ống thép	60 tháng	21.841.566.587 VND	9.707.362.932 VND

d. Trái phiếu (theo mệnh giá)

(7) Vào ngày 08/10/2021, Công ty đã phát hành 113.450 trái phiếu SMCH2126002 theo mệnh giá (1.000.000 VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 113.450.000.000 VND cho Bên liên quan (xem thuyết minh X.3) theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 578/2021/HĐMT-P/SMCH2126002. Thời hạn: 05 năm. Lãi suất trái phiếu tại ngày 31/12/2025: 5,76%/năm. Mục đích: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Kỳ tính lãi là 01 năm liên tục kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo: toàn bộ phần vốn góp (35% vốn điều lệ) của Công ty tại Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội. Nợ gốc trái phiếu này là nợ dài hạn đến hạn trả năm 2026.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (Xem trang 152).

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2025	01/01/2025
Hanwa Co., Ltd.	19,57%	144.164.760.000	144.164.760.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	14,24%	104.901.940.000	104.901.940.000
Các cổ đông khác	66,20%	487.719.170.000	350.858.160.000
Cộng	100%	736.785.870.000	599.924.860.000

c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	31/12/2025	01/01/2025
Các thành viên góp vốn thuộc Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	(22.294.656.043)	(39.731.629.505)
Cộng	(22.294.656.043)	(39.731.629.505)

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2025	2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	736.785.870.000	736.785.870.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	736.785.870.000	736.785.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.678.587	73.678.587
Cổ phiếu phổ thông	73.678.587	73.678.587
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(71.750)	(71.750)
Cổ phiếu phổ thông	(71.750)	(71.750)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.606.837	73.606.837
Cổ phiếu phổ thông	73.606.837	73.606.837
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu	10.000	10.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ - USD	168.594,92	4.399.462.601	411.601,28	10.397.618.339
Cộng	168.594,92	4.399.462.601	411.601,28	10.397.618.339
			31/12/2025	01/01/2025
b. Các khoản nợ khó đòi đã xử lý			124.267.222.761	119.326.189.408
Cộng			124.267.222.761	119.326.189.408

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2025	2024
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	6.879.939.825.854	8.820.119.973.361
Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.785.698.737	94.040.208.457
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	-	800.916.364
Doanh thu bán phế liệu	17.151.815.567	16.136.779.602
Cộng doanh thu	7.011.877.340.158	8.931.097.877.784
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(1.255.168.125)	(738.063.917)
Chiết khấu thương mại	(279.205.300)	(223.606.052)
Giảm giá hàng bán	(43.472.471)	(341.396.019)
Cộng doanh thu thuần	(*) 7.010.299.494.262	8.929.794.811.796
(*) Trong đó, bao gồm:		
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	356.377.357.647	386.959.946.335
2. Giá vốn hàng bán	2025	2024
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	7.017.779.726.617	8.918.467.253.509
Giá vốn cho thuê bất động sản	-	363.233.706
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(8.837.685.129)	5.254.226.567
Cộng	7.008.942.041.488	8.924.084.713.782
3. Doanh thu hoạt động tài chính	2025	2024
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ, trái phiếu và lãi cho vay	20.600.020.701	19.540.763.414
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.662.076.336	12.386.269.264
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	451.034.762	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	2.825.372.303	2.495.934.619
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	207.468.619.935
Cộng	26.538.504.102	241.891.587.232
4. Chi phí tài chính	2025	2024
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính, lãi trái phiếu	148.362.861.686	176.410.865.717
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính	(5.426.711.356)	33.608.045.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.078.519.569	12.274.431.581
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	1.781.629.328
Chi phí tài chính khác	627.583.143	10.099.151.555
Cộng	145.642.253.042	234.174.123.816
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	2025	2024
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	22.156.459.413	25.113.734.719
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.366.667	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.726.997.009	4.792.000.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.672.562.533	55.209.242.960
- Chi phí vận chuyển	28.960.359.344	40.131.861.768
- Chi phí khác	11.712.203.189	15.077.381.192
Chi phí bằng tiền khác	2.215.052.252	6.796.050.591
Cộng	68.864.437.874	91.911.028.525



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)	2025	2024
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	27.418.925.427	29.141.461.116
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	602.153.618	1.253.284.256
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.711.891.803	8.213.270.695
Thuế, phí, lệ phí	63.860.248	70.961.198
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	(164.189.673.915)	(184.244.291.478)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.905.835.652	47.507.444.944
Chi phí bằng tiền khác	4.803.232.326	2.591.322.309
Cộng	(86.683.774.841)	(95.466.546.960)
6. Thu nhập khác	2025	2024
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	396.754.338.724	95.687.246.628
Thu nhập từ phí quyền chọn	11.994.201.008	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	3.630.411.962	-
Thu nhập từ nhận hỗ trợ bảo lãnh thanh toán	1.880.547.945	1.433.835.617
Thu nhập khác	4.628.795.479	1.057.391.679
Cộng	418.888.295.118	98.178.473.924
7. Chi phí khác	2025	2024
Chi phí liên quan đến thuế	28.858.659.139	1.250.820.922
Chi phí công cụ dụng cụ thanh lý	545.815.857	-
Chi phí tư vấn của dự án 5ha không thực hiện	-	5.500.000.000
Lỗ phát sinh từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê	-	3.306.631.042
Chi phí chậm thanh toán	32.688.640.733	46.415.668.988
Chi phí khác	7.158.267.755	6.007.320.423
Cộng	69.251.383.484	62.480.441.375
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2025	2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.208.879.818.978	2.360.772.353.686
Chi phí nhân công	112.308.275.772	134.644.349.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.469.556.923	110.587.165.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.750.015.760	325.798.693.670
Chi phí khác bằng tiền	13.542.511.406	23.731.965.018
Cộng	2.570.950.178.839	2.955.534.527.372

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2025	2024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành phát sinh tại các công ty:		
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	5.849.030.462	24.810.774.862
Công ty TNHH Thép SMC	4.716.707.500	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	27.329.167.810	-
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	2.622.547.332	(226.484.758)
Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo	19.265.912.843	-
Cộng	59.783.365.947	24.584.290.104

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2025	2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	197.554.118.042	12.074.172.964
Trong đó:		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	17.436.973.462	(17.165.616.182)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	180.117.144.580	29.239.789.146
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ (*)	180.117.144.580	29.239.789.146
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.606.837	73.606.837
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.447	397

(*) Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định hiện hành. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2025 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2025	2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	180.117.144.580	29.239.789.146
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	180.117.144.580	29.239.789.146
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.606.837	73.606.837
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm có yếu tố suy giảm (*)	73.681.413	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	147.288.250	73.606.837
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.223	397

(*) Theo Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐQT ngày 16/01/2026, HĐQT Tập đoàn thống nhất thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn như đã trình bày ở mục X.2.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

Tăng/ giảm điểm cơ bản Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)

Năm 2025		
VND	+100	(13.937.674.006)
VND	-100	13.937.674.006
USD	+100	(223.012.895)
USD	-100	223.012.895
Năm 2024		
VND	+100	(16.824.344.185)
VND	-100	16.824.344.185
USD	+100	(538.390.181)
USD	-100	538.390.181

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt và các khoản tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

		Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2025		+ 1%	(498.226.289)
		-1%	498.226.289
Năm 2024		+ 2%	(2.080.464.617)
		-2%	2.080.464.617

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro về giá cổ phiếu (tt)

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom của Tập đoàn là 72.308.525.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 62.309.044.500 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 7.230.852.500 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 7.230.852.500 VND.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

"Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
>181 ngày	897.391.726.130
Tổng cộng giá trị ghi sổ	897.391.726.130
Dự phòng giảm giá trị	(182.783.013.323)
Giá trị thuần	714.608.712.807
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
>181 ngày	1.325.900.440.977
Tổng cộng giá trị ghi sổ	1.325.900.440.977
Dự phòng giảm giá trị	(355.077.950.905)
Giá trị thuần	970.822.490.072

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	2.013.341.949.560	35.857.957.129	-	2.049.199.906.689
Phải trả người bán	1.196.979.090.326	-	-	1.196.979.090.326
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9.874.396.365	-	-	9.874.396.365
Cộng	3.220.195.436.251	35.857.957.129	-	3.256.053.393.380
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	2.173.481.234.090	217.074.064.253	-	2.390.555.298.343
Phải trả người bán	1.420.521.537.782	-	-	1.420.521.537.782
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9.835.850.261	-	-	9.835.850.261
Cộng	3.603.838.622.133	217.074.064.253	-	3.820.912.686.386

Rủi ro thanh khoản là rất cao. Tập đoàn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng tài sản cố định, quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, các văn bản thỏa thuận và hợp đồng mua bán giữa Tập đoàn và Group Novaland, hàng tồn kho và quyền góp vốn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính).

Tập đoàn đang sử dụng tài sản của bên thứ ba làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tập đoàn và Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận ("Valley Bình Thuận") đã ký kết hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số 1904_TSBĐ_NVW.PT-SMC ngày 19/4/2023. Theo hợp đồng này, Valley Bình Thuận sử dụng các tài sản do Valley Bình Thuận đầu tư xây dựng tại dự án NovaWorld Phan Thiết với tổng giá trị thẩm định là 454,273 tỷ VND để đảm bảo thực hiện thanh toán cho các khoản phải trả đến Tập đoàn. Sau đó, Tập đoàn đã dùng hợp đồng bảo đảm này để thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty Con tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: (Xem trang 153).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoài các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	2025	2024
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.530.043.920.591	7.755.826.400.838
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	2025	2024
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.816.685.386.207	8.328.601.751.753
3. Các giao dịch không bằng tiền	2025	2024
- Mua tài sản cố định bằng cách cấu trúc nợ phải thu	316.165.533.560	-
- Xóa nợ trong năm	8.105.263.667	34.308.659.607

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty cam kết bảo lãnh, không hủy ngang và vô điều kiện đối với toàn bộ số tiền vay mà các công ty Con vay từ các ngân hàng.

- Theo Thông báo số 384/TB-SGDHCM ngày 28/5/2025, cổ phiếu của Công ty được chuyển từ điện kiểm soát sang điện cảnh báo từ ngày 30/5/2025.

- Tại Công ty TNHH SMC - Summit (công ty liên kết) có phát sinh khoản phải thu quá hạn thanh toán từ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Inox Nguyễn Minh (97.997.566.428 VND). Các khoản phải thu này được bảo đảm bằng LC tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB). Hiện tại, SCB đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) kiểm soát đặc biệt, cần phải có sự chấp thuận của SBV thì SCB mới được giải ngân thanh toán cho các khoản nợ được bảo đảm bằng LC trên. Công ty TNHH SMC - Summit cam kết cùng với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Inox Nguyễn Minh để tìm biện pháp tháo gỡ để thu hồi toàn bộ số phải thu này.

Ngoài các vấn đề như đã nêu trên, theo đánh giá của Tập đoàn, đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng, thông tin tài chính hay cam kết nào khác có ảnh hưởng trọng yếu mà cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Nhận định được các khó khăn hiện tại, Tập đoàn luôn nỗ lực và linh hoạt đưa ra những giải pháp để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh như duy trì tồn kho ở định mức hợp lý, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ và xuất khẩu, cũng như khai thác có hiệu quả lĩnh vực sản xuất gia công để hỗ trợ cho hoạt động thương mại có thể đang còn khó khăn.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

+ Vào ngày 31/12/2025, Tập đoàn và các công ty thành viên thuộc group Novaland (gọi tắt là "Group Novaland") đã tiến hành ký kết các biên bản xác nhận công nợ và thỏa thuận thanh toán/thỏa thuận cấu trúc tài sản. Vào ngày 30/01/2026, Tập đoàn và Group Novaland đã ký kết các văn bản thỏa thuận nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản phải thu của Tập đoàn. Các giao dịch này phát sinh sau ngày 31/12/2025 và được Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định là sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm cung cấp thêm bằng chứng về các sự việc đã tồn tại trong năm tài chính cần phải điều chỉnh trước khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã rà soát, đánh giá lại khả năng thu hồi và điều chỉnh mức trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu liên quan tại ngày 31/12/2025.

+ Công ty đang xem xét các phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo (công ty Con của Công ty) theo Tờ trình số 17/TT-HĐQT ngày 06/01/2026 của Ban Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các phương án nêu trên đã được HĐQT Tập đoàn thống nhất thông qua theo Nghị quyết số 49/2026/NQ-HĐQT ngày 16/01/2026.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (tt)

+ Theo Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐQT ngày 16/01/2026, HĐQT Tập đoàn thống nhất thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn, chi tiết như sau:

- Kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 1:1 từ 736,8 tỷ VND lên thành 1.473,6 tỷ VND;

- Thời gian thực hiện dự kiến: từ Quý I/2026 đến Quý II/2027.

+ Theo Nghị quyết số 88/2026/NQ-HĐQT ngày 10/02/2026, HĐQT Tập đoàn thống nhất chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH Thép SMC ("Thép SMC" - một công ty Con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn góp). Đồng thời, theo Nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐQT ngày 10/02/2026, HĐQT Công ty thảo thuận, thống nhất thông qua chấm dứt hoạt động dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất gia công các sản phẩm sau thép" của Thép SMC kể từ ngày 24/02/2026.

+ Theo Nghị quyết số 91/2026/NQ-HĐQT ngày 10/02/2026, HĐQT Tập đoàn thông qua việc thay đổi địa chỉ Thép SMC.

+ Theo Nghị quyết số 135/2026/NQ-HĐQT ngày 25/3/2026, HĐQT Tập đoàn thống nhất thông qua chủ trương tái cơ cấu tại Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo (một công ty Con của Tập đoàn) theo tờ trình số 108/TT-HĐQT ngày 09/3/2026 của Tổng Giám đốc Tập đoàn.

+ Theo Nghị quyết số 136/2026/NQ-HĐQT ngày 25/3/2026, HĐQT Tập đoàn đã thảo luận và thống nhất phê duyệt các giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm 2025 về các khoản tạm ứng đến Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

+ Theo Nghị quyết số 138/2026/NQ-HĐQT ngày 25/3/2026, HĐQT Tập đoàn thống nhất thông qua chủ trương quản lý và thế chấp cổ phiếu của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Tập đoàn để đăng ký thế chấp mua thép trả chậm tại Công ty TNHH Thép Vinakyoei.

Ngoài các sự việc như đã nêu trên, Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty TNHH Hanwa Việt Nam

Công ty TNHH SMC - Summit

Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội

Công ty TNHH SMC - Toami

Hanwa Co., Ltd.

Ông Phạm Hoàng Anh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan

Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi

Ông Kishimoto Hideki

Ông Hoàng Trung Dũng

Ông Nguyễn Ngọc Anh Duy

Ông Vũ Anh Nguyên

Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân

Ông Fujitsuka Masahiko

Ông Hứa Vũ

Ông Nguyễn Quang Trung

Ông Đặng Huy Hiệp

Ông Nguyễn Quốc Thắng

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu

Ông Nguyễn Văn Lâm

Bà Nguyễn Cẩm Vân

Bà Nguyễn Thụy Như Quỳnh

Mối quan hệ

Công ty con của nhà đầu tư

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Nhà đầu tư

Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 25/9/2025)

Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 25/9/2025)

Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 25/9/2025)

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 25/9/2025)

Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/12/2025)

Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/12/2025)/

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/3/2026)

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 22/5/2025

và miễn nhiệm ngày 31/12/2025)

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 22/5/2025

và miễn nhiệm ngày 25/9/2025)

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07/01/2026)

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07/01/2026)/

Cố vấn HĐQT (bổ nhiệm ngày 07/01/2026)

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08/12/2025)

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/9/2025)

Kế toán trưởng

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập khác	2025	2024
Công ty TNHH SMC - Summit	229.554.545	57.908.741.307
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	7.000.000	21.341.159.550
Cộng	236.554.545	79.249.900.857

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2025	2024
Công ty TNHH SMC - Summit	341.459.567.033	360.339.632.514
Công ty TNHH SMC - Toami	-	6.975.314.399
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	14.917.790.614	17.616.361.834
Hanwa Co., Ltd.	-	2.028.637.588
Cộng	356.377.357.647	386.959.946.335



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tt) như sau:	2025	2024
Mua hàng hóa và nhận cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH SMC - Summit	207.743.514.520	538.864.011.203
Công ty TNHH SMC - Toami	-	59.019.278
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	34.432.676.648	361.710.567.756
Cộng	242.176.191.168	900.633.598.237
Doanh thu tài chính	2025	2024
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	127.214.379	-
Chi phí tài chính (lãi vay, lãi trái phiếu)	2025	2024
Hanwa Co., Ltd.	6.648.400.127	6.176.749.230
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	110.445.301	236.233.000
Bà Nguyễn Cẩm Vân	30.833.000	606.832.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	1.183.562	-
Bà Nguyễn Thụy Như Quỳnh	744.232.420	177.156.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	-	11.250.000
Ông Đặng Huy Hiệp	122.136.986	122.333.000
Cộng	7.657.231.396	7.330.553.230
Vay	2025	2024
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	4.840.000.000	23.580.000.000
Bà Nguyễn Cẩm Vân	-	114.000.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	1.800.000.000	-
Bà Nguyễn Thụy Như Quỳnh	25.500.000.000	26.900.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	-	2.500.000.000
Cộng	32.140.000.000	166.980.000.000
Hoàn trả gốc vay	2025	2024
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	7.640.000.000	20.780.000.000
Bà Nguyễn Cẩm Vân	20.000.000.000	94.000.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	1.800.000.000	-
Bà Nguyễn Thụy Như Quỳnh	18.500.000.000	33.260.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	-	2.500.000.000
Cộng	47.940.000.000	150.540.000.000

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có số dư với các bên liên quan như sau:	31/12/2025	01/01/2025
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH SMC - Summit	7.546.309.419	22.156.770.730
Công ty TNHH SMC - Toami	-	132.000.000
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	693.665.162	190.714.544
Cộng	8.239.974.581	22.479.485.274
Phải thu khách hàng dài hạn	31/12/2025	01/01/2025
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	3.609.704.278	3.609.704.278
Phải thu khác ngắn hạn (tạm ứng)	31/12/2025	01/01/2025
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	49.600.000.000	-
Phải trả người bán	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH SMC - Summit	64.168.445.801	106.078.473.660
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	51.588.238.960	80.302.816.134
Cộng	115.756.684.761	186.381.289.794
Người mua trả tiền trước	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH SMC - Toami	-	92.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Hanwa Co., Ltd.	1.517.827.397	202.585.403
Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	-	9.978.273.830
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Bà Nguyễn Thụy Như Quỳnh	7.000.000.000	-
Ông Đặng Huy Hiệp	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	-	2.800.000.000
Bà Nguyễn Cẩm Vân	-	20.000.000.000
Cộng	9.000.000.000	24.800.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2025	01/01/2025
Hanwa Co., Ltd.	113.450.000.000	113.450.000.000
d. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành	2025	2024
Hội đồng quản trị	1.169.958.000	943.321.200
- Ông Phạm Hoàng Anh	176.250.000	-
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	542.850.000	604.698.000
- Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	450.858.000	338.623.200

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành (tt)	2025	2024
Ban Kiểm soát	1.340.386.731	1.124.159.680
- Bà Võ Thị Tố Ngân	286.269.231	254.511.400
- Bà Lê Thị Cẩm Tú	530.017.500	450.187.155
- Bà Đặng Thị Thu Trang	524.100.000	419.461.125
- Bà Thái Thị Vân Anh	-	-
Ban Tổng Giám đốc	2.079.276.500	1.464.330.135
- Ông Đặng Huy Hiệp	664.560.000	521.321.500
- Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	347.324.000	377.902.000
- Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	556.987.500	561.106.635
- Ông Nguyễn Quốc Thắng	510.405.000	-
- Ông Nguyễn Văn Tiến	-	4.000.000
Cộng	4.589.621.231	3.531.811.015

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (Xem trang 154-155).

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn bị âm 75.435.484.367 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 687.794.683.183 VND. Điều trên gây nên quan ngại về khả năng tạo tiền của Tập đoàn để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn thanh toán. Kế hoạch của chủ sở hữu và Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

- Các khoản nợ ngắn hạn (mã số 310 trên Cân đối kế toán) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.379.978.468.011 VND. Tập đoàn tin tưởng rằng sẽ nhận được sự hỗ trợ của các nhà cung cấp, ngân hàng và cá nhân bằng việc gia hạn thời gian trả nợ;

- Về mặt quản trị nguồn vốn: duy trì và ổn định các khoản vay ngân hàng, tìm kiếm, mở rộng các khoản vay, hỗ trợ vốn mới với chi phí tốt để đảm bảo kế hoạch và hiệu quả kinh doanh; và phát hành thêm cổ phiếu, gia tăng nguồn vốn hoạt động;

- Về mặt quản trị hoạt động sản xuất: Tập đoàn tiếp tục duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp lớn của Tập đoàn để duy trì nguồn cung cấp; tiếp tục quản trị hàng tồn kho linh hoạt và phù hợp, tồn kho dự trữ tối ưu bám sát với diễn biến thị trường; đẩy mạnh tiêu thụ hệ công trình, dự án với mức lợi nhuận tốt hơn, đồng thời kết hợp đảm bảo tăng cường quản trị kiểm soát các khoản phải thu và rủi ro công nợ liên quan; tìm kiếm, mở rộng mặt hàng kinh doanh ngoài các sản phẩm truyền thống, ...

- Về mặt quản trị công nợ: hoàn tất các hợp đồng mua bán và cấn trừ công nợ với các Công ty trong group Novaland trong năm 2026, hoàn tất thủ tục cấn trừ và nhận hóa đơn tài sản trong 6 tháng đầu năm 2026, tiến hành bàn giao tài sản trong năm 2026-2027; kiểm tra, quản lý các hạn mức mua hàng của khách hàng, đảm bảo hạn mức phù hợp và quản trị rủi ro bán hàng, yêu cầu khách hàng đặc biệt thuộc nhóm công trình, dự án có thời gian thanh toán kéo dài phải phát hành bảo lãnh thanh toán; đối với công nợ khách hàng ngoài thì Ban Quản lý Nợ và Ban Điều hành bám sát và thực hiện tập trung thu hồi quyết liệt các công nợ còn tồn đọng;

- Chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu HBC trong năm 2026 giúp tăng thu nhập tài chính và giảm đầu tư dài hạn;

- Dựa trên kế hoạch kinh doanh có lãi/ kế hoạch chuyển nhượng tài sản tại các Công ty thành viên hỗ trợ thêm cho thu nhập tài chính và lợi nhuận sau cùng;

Vì vậy, Tập đoàn tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn và Tập đoàn tin tưởng vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

Tp.HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	491.810.246.575	491.810.246.575	505.000.000.000	505.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (*)	491.810.246.575	491.810.246.575	505.000.000.000	505.000.000.000
b. Dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn 10 năm (lãi suất: 5,675% - 5,98%/ năm)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	497.810.246.575	497.810.246.575	511.000.000.000	511.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng, với lãi suất từ 2,9% - 6,5%/năm, dùng để cầm cố/thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: thuyết minh V.21.

2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	103.015.255.066	8.018.537.024	111.033.792.090	103.015.255.066	11.629.434.290	114.644.689.356
Công ty TNHH SMC - Summit	41.640.000.000	(19.014.400.779)	22.625.599.221	41.640.000.000	(5.057.683.536)	36.582.316.464
Công ty TNHH Hanwa	45.440.755.066	42.967.437.803	88.408.192.869	45.440.755.066	32.621.617.826	78.062.372.892
SMC Steel Service Hà Nội						
Công ty TNHH SMC - Toami (2i)	15.934.500.000	(15.934.500.000)	-	15.934.500.000	(15.934.500.000)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	157.147.500.000	(54.636.252.709)	102.511.247.291	157.147.500.000	(60.062.964.065)	97.084.535.935
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM						
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất (TNS)	14.000.000.000	(9.277.800.000)	4.722.200.000	14.000.000.000	(6.986.000.000)	7.014.000.000
Công ty CP Tập đoàn	104.785.000.000	(37.198.675.000)	67.586.325.000	104.785.000.000	(49.489.955.500)	55.295.044.500
Xây dựng Hòa Bình (HBC) (2ii)						

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tt)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Các công ty khác						
Công ty TNHH VSSC Steel Center (2iii)	38.362.500.000	(8.159.777.709)	30.202.722.291	38.362.500.000	(3.587.008.565)	34.775.491.435
Cộng	260.162.755.066	(46.617.715.685)	213.545.039.381	260.162.755.066	(48.433.529.775)	211.729.225.291

Thuyết minh chi tiết:

(2i) Công ty TNHH SMC - Toami đã ngừng sản xuất và kinh doanh từ tháng 9/2024. Trong năm 2025, SMC Toami ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh có lãi từ việc được xóa nợ vay.

(2ii) Vào ngày 29/6/2024, Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình ("HBC") đã thông qua kết quả phân phối cổ phiếu phát hành để hoán đổi nợ theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT.HBC và Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ số 53/2024/BC-HBC. Theo đó, Công ty đã hoán đổi khoản phải thu HBC là 104.785.000.000 VND để nắm giữ 10.478.500 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, chiếm 3,02% vốn điều lệ của HBC. Theo Nghị quyết số 428 ngày 22/10/2025, HĐQT Công ty đã quyết định chấp thuận, thông qua, đồng ý cho Công ty giải chấp toàn bộ số lượng cổ phiếu này đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp.HCM ("Vietinbank") để thanh lý, chuyển nhượng và toàn bộ dòng tiền phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu trên để thanh lý các nghĩa vụ nợ hiện hữu của các đơn vị trong nhóm SMC đang quan hệ tín dụng tại Vietinbank - CN Tp.HCM. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình giải chấp cổ phiếu để tiến hành chuyển nhượng.

(2iii) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502447502 ngày 22/02/2021 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH VSSC Steel Center là 255.750.000.000 VND. Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đã góp 38.362.500.000 VND, chiếm 15% vốn điều lệ. Trong năm 2025, Công ty này hoạt động có lãi. Công ty đang trích lập dự phòng đầu tư theo báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá thị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác chưa đại chúng, Ban Tổng Giám đốc xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị sổ sách dựa theo phương pháp giá gốc (Giá trị hợp lý đang được thể hiện bằng giá gốc trừ đi các khoản dự phòng).

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	897.391.726.130	714.608.712.807		1.325.900.440.977	970.822.490.072	
Các đối tượng khác	8.680.722.102	-	Khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	3.082.413.488	-	Khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc	22.458.123.986	-	Khoản phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm	22.458.123.986	-	Khoản phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	26.831.523.592	-	Khoản phải thu khó đòi quá hạn trên 3 năm	26.831.523.592	804.262.486	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 2 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley (*)	8.454.133.240	8.454.133.240	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	169.260.183.239	167.807.345.955	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận (*)	440.796.852.909	440.796.852.909	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	440.796.852.909	315.298.128.656	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty CP Địa ốc Ngân Hiệp (*)	9.470.569.514	2.657.574.623	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	43.104.688.934	38.298.509.371	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Thành phố AQUA (*)	8.763.882.789	4.661.947.583	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	113.638.200.970	110.747.226.157	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH The Forest City (*)	5.007.844.544	4.749.533.360	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	131.505.957.524	131.323.948.893	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư và Bất động sản Tường Minh (*)	41.411.175.390	41.411.175.390	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	41.411.175.390	17.840.830.196	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty CP Phát triển Đất Việt (*)	20.352.670.635	19.828.242.526	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	20.352.670.635	10.271.717.606	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. NỢ XẤU (TT)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Thái Bình (*)	4.052.176.185	1.833.251.124	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	40.634.441.366	39.068.636.613	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Du lịch Bình An (*)	36.173.835.137	32.027.735.377	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	36.173.835.137	13.259.767.664	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty CP Hoàn Vũ (*)	25.730.225.489	20.107.045.439	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	25.730.225.489	10.031.082.167	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty CP Hoàng Khang Bình Thuận	14.161.087.740	2.154.784.910	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	14.161.087.740	5.701.769.657	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty CP Khu du lịch Quốc tế Hoàng Long	9.596.514.859	2.180.626.936	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	9.596.514.859	4.344.171.933	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát (*)	29.555.066.673	29.555.066.673	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ trên 2 năm	29.555.066.673	14.373.352.495	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty CP Hưng Thịnh INCONS	34.236.746.575	26.378.857.298	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	31.185.625.374	11.308.046.162	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH SX TM Cơ khí Hiếu Hạnh	68.536.910.266	39.828.502.856	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng đến 2 năm	33.538.789.519	23.477.152.663	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. NỢ XẤU (TT)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công ty TNHH SX - DV - TM Thép An Khang	9.777.328.400	4.888.664.200	Khoản phải thu quá hạn từ 01 năm - 02 năm	9.777.328.400	6.844.129.880	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 06 tháng dưới 01 năm
Công ty TNHH Thép Kim Thành	25.643.123.635	17.950.186.544	Khoản phải thu quá hạn từ 06 tháng - 01 năm			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hưng Phước Lộc	16.968.095.540	5.090.428.662	Khoản phải thu quá hạn từ 2-3 năm	17.328.095.540	8.664.047.770	Khoản phải thu quá hạn từ 1-2 năm
Các đối tượng khác	18.365.250.120	3.828.289.992	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm	18.073.379.166	3.003.943.784	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	12.000.000.000	6.140.763.165	Khoản trả trước quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm	12.000.000.000	7.579.784.799	Khoản trả trước quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm
Công ty TNHH XNK Vạn Phú				35.336.394.237	30.632.885.165	Khoản phải thu dự phòng theo tổn thất phát sinh
Các khoản ứng trước nhà cung cấp khác	367.866.810	85.050.000	Khoản trả trước quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm	367.866.810	141.750.000	Khoản trả trước quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm

(*) Tại ngày 31/12/2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty trích lập dự phòng khoản phải thu công ty này dựa trên giá trị thuần của khoản phải thu (giá trị khoản phải thu trừ giá trị tài sản đảm bảo theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc và xử lý cản trừ công nợ phải trả phát sinh sau niên độ liên quan đến các hợp đồng mua bán bất động sản và văn bản thỏa thuận đã nêu tại X.2).

Giá trị có thể thu hồi đang được trình bày là phần giá trị thuần các khoản nợ phải thu chưa lập dự phòng do chưa vượt khoảng thời gian quá hạn như quy định.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	771.300.378.493	698.700.810.303	166.536.832.498	11.542.595.967	1.648.080.617.261
Mua trong năm	288.018.060	283.373.878	786.669.831	-	1.358.061.769
Đầu tư XDCB hoàn thành	71.348.988	-	-	-	71.348.988
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	41.797.795.885	-	-	41.797.795.885
Thanh lý, nhượng bán	(226.286.049.527)	(443.426.845.196)	(78.287.099.868)	(1.519.293.225)	(749.519.287.816)
Số dư cuối năm	545.373.696.014	297.355.134.870	89.036.402.461	10.023.302.742	941.788.536.087
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	211.917.497.519	493.081.785.568	102.892.567.174	10.310.453.957	818.202.304.218
Khấu hao trong năm	28.132.617.133	29.822.111.711	8.240.496.037	313.775.687	66.509.000.568
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	10.688.026.499	-	-	10.688.026.499
Thanh lý, nhượng bán	(120.995.443.787)	(307.589.084.808)	(66.683.611.117)	(1.519.293.225)	(496.787.432.937)
Số dư cuối năm	119.054.670.865	226.002.838.970	44.449.452.094	9.104.936.419	398.611.898.348
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	559.382.880.974	205.619.024.735	63.644.265.324	1.232.142.010	829.878.313.043
Số dư cuối năm	426.319.025.149	71.352.295.900	44.586.950.367	918.366.323	543.176.637.739

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.765.548.534 VND.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 304.052.984.771 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Số dư tại ngày 01/01/2024	736.785.870.000	253.132.567.160	(717.500.000)	(168.865.083.788)	(22.566.013.323)	797.769.840.049
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.239.789.146	-	29.239.789.146
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(17.165.616.182)	(17.165.616.182)
Số dư tại ngày 31/12/2024	736.785.870.000	253.132.567.160	(717.500.000)	(139.625.294.642)	(39.731.629.505)	809.844.013.013
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Số dư tại ngày 01/01/2025	736.785.870.000	253.132.567.160	(717.500.000)	(139.625.294.642)	(39.731.629.505)	809.844.013.013
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	180.117.144.580	-	180.117.144.580
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	17.436.973.462	17.436.973.462
Số dư tại ngày 31/12/2025	736.785.870.000	253.132.567.160	(717.500.000)	40.491.849.938	(22.294.656.043)	1.007.398.131.055

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		31/12/2024		31/12/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	497.810.246.575	-	511.000.000.000	-	497.810.246.575	511.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.493.915.665.060	(176.640.959.678)	1.777.176.554.884	(350.431.618.894)	1.317.274.705.382	1.426.744.935.990
Phải thu khác	38.151.459.966	-	39.179.787.624	-	38.151.459.966	39.179.787.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.320.970.073	-	143.281.861.697	-	135.320.970.073	143.281.861.697
TỔNG CỘNG	2.165.198.341.674	(176.640.959.678)	2.470.638.204.205	(350.431.618.894)	1.988.557.381.996	2.120.206.585.311
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	2.049.199.906.689	-	2.390.555.298.343	-	2.049.199.906.689	2.390.555.298.343
Phải trả người bán	1.196.979.090.326	-	1.420.521.537.782	-	1.196.979.090.326	1.420.521.537.782
Chi phí phải trả	8.834.792.827	-	8.992.769.459	-	8.834.792.827	8.992.769.459
Phải trả khác	1.039.603.538	-	843.080.802	-	1.039.603.538	843.080.802
TỔNG CỘNG	3.256.053.393.380	-	3.820.912.686.386	-	3.256.053.393.380	3.820.912.686.386

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP. HCM	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	8.056.687.839.792	-	8.056.687.839.792	(1.046.388.345.530)	7.010.299.494.262
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.010.299.494.262	-	7.010.299.494.262	-	7.010.299.494.262
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	1.046.388.345.530	-	1.046.388.345.530	(1.046.388.345.530)	-
2. Tổng chi phí	8.038.034.492.918	3.675.000	8.038.038.167.918	(1.046.915.463.397)	6.991.122.704.521
Giá vốn	8.049.596.407.710	-	8.049.596.407.710	(1.040.654.366.222)	7.008.942.041.488
Giá vốn từ bán hàng	7.008.942.041.488	-	7.008.942.041.488	-	7.008.942.041.488
Giá vốn từ bán hàng cho bộ phận khác	1.040.654.366.222	-	1.040.654.366.222	(1.040.654.366.222)	-
Chi phí chung	(11.561.914.792)	3.675.000	(11.558.239.792)	(6.261.097.175)	(17.819.336.967)
3. Lợi nhuận tài chính	(89.477.163.642)	2.419.148	(89.474.744.494)	(29.629.004.446)	(119.103.748.940)
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	333.724.920.329	35.221.669.130	368.946.589.459	(20.400.620.423)	348.545.969.036
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	262.901.103.561	35.220.413.278	298.121.516.839	(49.502.507.002)	248.619.009.837
6. Tài sản bộ phận	6.311.379.433.004	16.848.884.008	6.328.228.317.012	(1.874.518.441.500)	4.453.709.875.512
Trong đó, tài sản không phân bổ	-	-	-	370.631.170	370.631.170
7. Nợ phải trả bộ phận	4.339.627.454.437	-	4.339.627.454.437	(893.315.709.980)	3.446.311.744.457
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	30.370.159.021	30.370.159.021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH (TT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP. HCM (*)	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	11.299.096.500.833	126.842.430.729	11.425.938.931.562	(2.496.144.119.766)	8.929.794.811.796
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	8.863.438.025.716	66.356.786.080	8.929.794.811.796	-	8.929.794.811.796
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	2.435.658.475.117	60.485.644.649	2.496.144.119.766	(2.496.144.119.766)	-
2. Tổng chi phí	11.293.454.489.278	132.563.775.614	11.426.018.264.892	(2.505.489.069.545)	8.920.529.195.347
Giá vốn	11.291.522.708.972	127.417.116.617	11.418.939.825.589	(2.494.855.111.807)	8.924.084.713.782
Giá vốn từ bán hàng	8.856.662.637.298	67.422.076.484	8.924.084.713.782	-	8.924.084.713.782
Giá vốn từ bán hàng cho bộ phận khác	2.434.860.071.674	59.995.040.133	2.494.855.111.807	(2.494.855.111.807)	-
Chi phí chung	1.931.780.306	5.146.658.997	7.078.439.303	(10.633.957.738)	(3.555.518.435)
3. Lợi nhuận tài chính	(202.875.035.538)	(5.728.128.148)	(208.603.163.686)	216.320.627.102	7.717.463.416
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	54.769.326.732	(20.383.646.658)	34.385.680.074	(3.693.684.752)	30.691.995.322
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	(142.463.697.251)	(31.833.119.691)	(174.296.816.942)	221.971.892.129	47.675.075.187
6. Tài sản bộ phận	6.760.128.362.312	20.226.419.942	6.780.354.782.254	(2.002.172.233.989)	4.778.182.548.265
Trong đó, tài sản không phân bổ	2.933.316.059	-	2.933.316.059	118.894.363	3.052.210.422
7. Nợ phải trả bộ phận	5.038.560.805.300	38.597.949.212	5.077.158.754.512	(1.108.820.219.260)	3.968.338.535.252
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	41.770.212.425	41.770.212.425

(*) Kể từ ngày 01/7/2025, Việt Nam chính thức sáp nhập các tỉnh thành. Tập đoàn đã trình bày lại số liệu của khu vực Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu vào khu vực TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2024 để đảm bảo thông tin so sánh.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất